

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105709 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004 và điều chỉnh lần thứ 18 ngày 25/04/2019

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số ..245../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ..08.. tháng ..07.. năm 2019)



### TỔ CHỨC TƯ VẤN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

#### Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

Số 35 Đường Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: (0222) 3826077 - 3895111

Fax: (0222) 3896000 - 3825496

Website : [www.dabaco.com.vn](http://www.dabaco.com.vn)

#### Công Ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội

Tầng 23 – Tòa nhà Capital Tower – Số 109 – Trần Hưng Đạo – Phường Cửa Nam – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 3941 2299

Fax: (+84-24) 3941 2708

Website: [www.lvs.com.vn](http://www.lvs.com.vn)

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Huệ Minh

Chức vụ: Chánh văn phòng Hội đồng quản trị

Điện thoại: 0912 536 426

Fax: 0222.3896000





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105709 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004 và điều chỉnh lần thứ 18 ngày 25/04/2019

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán:	DBC
Tổng số lượng niêm yết:	91.099.828 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	910.998.280.000 đồng (Chín trăm mười tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

##### Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 23 – Tòa nhà Capital Tower – Số 109 – Trần Hưng Đạo – Phường Cửa Nam – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 3941 2299

Fax: (+84-24) 3941 2708

Website: [www.lvs.com.vn](http://www.lvs.com.vn)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

##### Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3831 500

Fax: (84-24) 3831 5090

Website: [www.ey.com](http://www.ey.com)



## MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp .....	8
3. Rủi ro đặc thù ngành .....	8
4. Các rủi ro khác .....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	12
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam.....	12
2. Tổ chức tư vấn – Công Ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội.....	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	15
2. Cơ cấu tổ chức.....	22
3. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	22
4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần và tỷ lệ cổ phần nắm giữ ...	25
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết tham gia góp vốn. ....	26
6. Hoạt động kinh doanh .....	33
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 – Quý I năm 2019 .....	56
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	58
9. Chính sách đối với người lao động .....	62
10. Chính sách cổ tức .....	64
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	65
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....	71
13. Tài sản thuộc sở hữu của Công ty .....	87
14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	93
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	96
16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	97
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	97
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	98
1. Loại chứng khoán.....	98
2. Mệnh giá chứng khoán.....	98
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	98
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật .....	98



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



---

5. Phương pháp tính giá .....	98
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	99
7. Các loại thuế có liên quan .....	100
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	101
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN.....	102
VIII. PHỤ LỤC .....	103



## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam, 2014-2018 .....	6
Biểu đồ 2. Lạm phát GDP và lạm phát cơ bản tại Việt Nam giai đoạn 2012-2018 (%) .....	7
Biểu đồ 3. Sản lượng thức ăn chăn nuôi của các thương hiệu giai đoạn 2015-2018 .....	34
Biểu đồ 4. Các loại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy cầm .....	35
Biểu đồ 5. Cơ cấu tổng sản lượng thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2018 .....	36
Biểu đồ 6: Dự báo doanh thu từ gia cầm tại Việt Nam qua các năm (Đơn vị: Nghìn tấn).....	60
Biểu đồ 7: Dự báo doanh thu từ thịt lợn tại Việt Nam qua các năm (Đơn vị: Nghìn tấn) .....	60

## DANH MỤC ẢNH

Ảnh 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.....	22
Ảnh 2: Ngoại cảnh khách sạn Le Indochina Hotel & SPA.....	39
Ảnh 3: Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn .....	42
Ảnh 4: Nhà máy sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi .....	46
Ảnh 5: Chuối cung ứng khép kín.....	47
Ảnh 6: Dây chuyền xử lý trứng tự động .....	47
Ảnh 7: Bộ 4 dòng sản phẩm trứng gà cao cấp và trứng ăn liền Devi .....	48
Ảnh 8: Nhà máy ép dầu thực vật.....	49

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính của DABACO .....	15
Bảng 2: Quá trình hình thành và phát triển của DABACO .....	16
Bảng 3: Quá trình tăng vốn điều lệ của DABACO .....	18
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông .....	25
Bảng 5 :Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	26
Bảng 6: Các công ty con và doanh nghiệp dự án của DABACO .....	27
Bảng 7: Các công ty liên doanh, liên kết của DABACO.....	32
Bảng 8: Công suất và quy mô các nhà máy sản xuất TĂCN đang hoạt động và dự kiến triển khai .....	33
Bảng 9: Công suất và qui mô các trang trại chăn nuôi đang hoạt động và dự kiến triển khai.....	37
Bảng 10: Tổng hợp các Dự án bất động sản và khách sạn.....	39
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu các loại sản phẩm và dịch vụ năm 2017 – 2018.....	42
Bảng 12: Lợi nhuận sau thuế các loại sản phẩm và dịch vụ năm 2017 – 2018 .....	42
Bảng 13: Doanh thu, lợi nhuận gộp và Lợi nhuận sau thuế của DBC năm 2017-2018 và Quý I 2019 .....	43
Bảng 14: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho công ty .....	45
Bảng 15: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất từ 2017-2018 .....	45



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



---

Bảng 18: Các nhãn hiệu đăng kí bảo hộ thương hiệu của DABACO .....	51
Bảng 17: Danh sách các hợp đồng ký kết và thực hiện năm 2017-2019 .....	55
Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2017 – Quý I năm 2019 .....	56
Bảng 19: Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 2017 – Quý I năm 2019.....	57
Bảng 20: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của DABACO với các doanh nghiệp cùng ngành.....	61
Bảng 21: Tình hình lao động của Công ty.....	63
Bảng 22: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm .....	64
Bảng 23: Trích khấu hao tài sản cố định.....	65
Bảng 24: Số dư các khoản phải nộp theo luật định .....	66
Bảng 25: Số dư các quỹ tại các thời điểm .....	67
Bảng 26: Số dư các khoản vay .....	67
Bảng 27: Số dư các khoản phải thu .....	68
Bảng 28: Số dư các khoản phải trả.....	68
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	70
Bảng 30: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng .....	71
Bảng 31: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2018 .....	87
Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất .....	88
Bảng 33: Danh sách đất đai, bất động sản Dabaco đang sở hữu và hình thức sở hữu .....	88
Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019-2020 .....	93



## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam hoạt động chính trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm: sản xuất thức ăn chăn nuôi; chăn nuôi lợn và lợn giống; chăn nuôi gà và sản xuất trứng gà. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực thương mại, khách sạn và bất động sản. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau:

#### **1. Rủi ro về kinh tế**

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

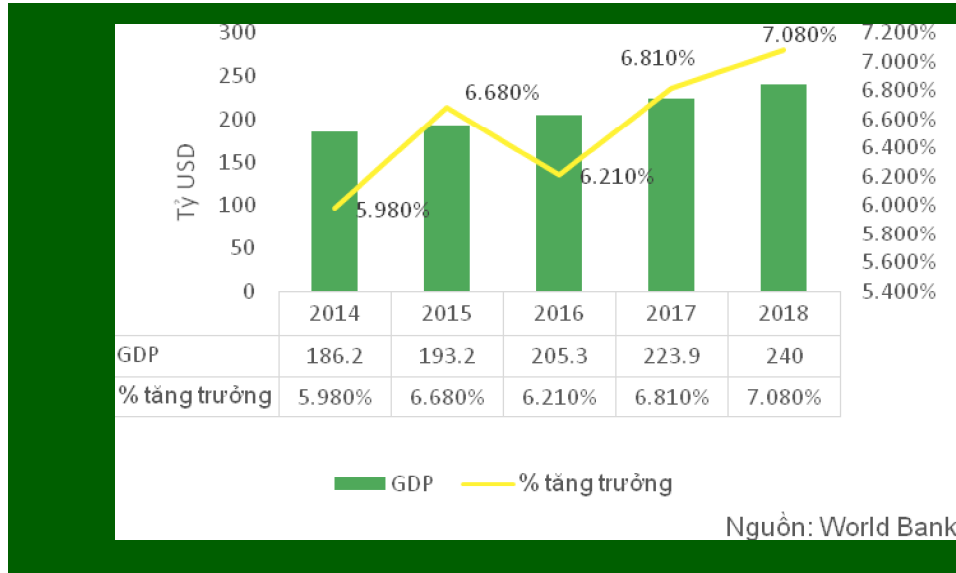
#### **Tăng trưởng kinh tế**

Trong năm 2018 nền Kinh tế Việt Nam vẫn cho thấy sự tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Tổng quan nền kinh tế thế giới cũng chứng lại ở các lĩnh vực thương mại điện tử các hoạt động xuất nhập khẩu và sự tăng cường xu thế bảo hộ mậu dịch. Nguyên nhân chính xuất phát từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung tác động đến kinh tế toàn cầu và do vậy cũng đã ảnh hưởng đến nền kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua. Bỏ lại những thành tích đáng kể của năm 2017, nền kinh tế nội địa đối mặt với nhiều thách thức bởi lạm phát toàn cầu gia tăng, giá dầu bình quân tăng mạnh và những biến động thời tiết ảnh hưởng đến giá lương thực, thực phẩm. Những thay đổi từ năm 2017 xuyên suốt năm 2018 cũng tạo ra những tác động đáng kể đến hoạt động của DBC.

Lĩnh vực sản xuất, chế biến thức ăn gia súc và thực phẩm là ngành mũi nhọn của Dabaco. Trong năm 2018, mặc dù có những rủi ro liên quan đến dịch bệnh, đàn lợn vẫn giữ được sự tăng trưởng tốt cả về quy mô đầu con lẫn sản lượng, tăng 2,2% so với năm 2017 và sẽ duy trì được đà tăng trưởng (theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Xét một cách tổng thể, có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng trưởng GDP: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Sự tăng trưởng đều đặn và toàn diện cho thấy sự tích cực và bền vững của nền kinh tế quốc dân, và do vậy hứa hẹn sẽ đem đến những tiềm năng cho doanh nghiệp nói chung và DBC nói riêng.

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam, 2014-2018



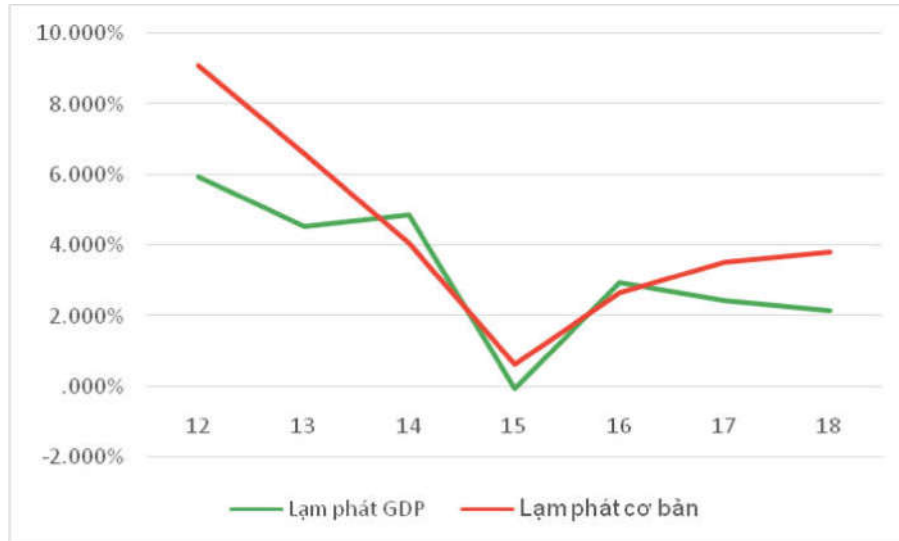
Theo dự báo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung Ương (CIEM), kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng 6,93% trong năm 2019, cao hơn mức 6,6% - 6,8% mà Quốc Hội đã thông qua. Bên cạnh đó một số rủi ro đã có dấu hiệu rõ nét. Cụ thể, từ phía vĩ mô quốc tế, các tài sản tài chính và bất động sản đã tăng giá tương đối cao trong giai đoạn qua (nhờ chính sách lãi suất thấp và cung tiền dồi dào); bên cạnh đó căng thẳng thương mại tiếp tục leo thang có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu trong nước; và chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn được định hướng thắt chặt dần làm giảm sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư vào Việt Nam, đồng thời tạo áp lực đối với lãi suất và giá trị đồng nội tệ. Đối với các yếu tố nội tại, nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh chưa đủ mạnh và quá trình tái cấu trúc, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước có xu hướng chững lại là những rủi ro trọng yếu, làm cản trở đà tăng trưởng trong thời gian tới.

### Lạm phát

Trong giai đoạn 2012-2016, lạm phát giảm và duy trì thấp, nguyên nhân được lí giải là do tốc độ tăng chi tiêu ngân sách và tốc độ tăng cung tiền trong giai đoạn này đã giảm đi nhiều. Đáng chú ý là tỷ lệ đầu tư/GDP trong giai đoạn 2012-2016 thấp trong cả giai đoạn. Nguyên nhân là do nền kinh tế đã không còn nhiều nguồn lực cho phát triển.



Biểu đồ 2. Lạm phát GDP và lạm phát cơ bản tại Việt Nam giai đoạn 2012-2018 (%)



Nguồn: Quỹ tiền tệ quốc tế IMF

Giai đoạn từ 2017 đến 2018, lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức dưới 4%. Trong năm 2018 giá các mặt hàng lương thực tăng 3,71% so với cùng kỳ năm trước góp phần làm cho CPI tăng 0,17%. Lạm phát chung có mức tăng cao hơn lạm phát cơ bản, điều này phản ánh biến động giá chủ yếu từ việc tăng giá lương thực, thực phẩm, giá xăng dầu và yếu tố điều hành giá cả qua việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục. Mức tăng lạm phát cơ bản trong năm 2018 so với cùng kỳ có biên độ dao động trong khoảng từ 1,18% đến 1,72%, lạm phát cơ bản bình quân năm tăng 1,48% thấp hơn mức kế hoạch 1,6% cho thấy chính sách tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định. Kể từ năm 2018, về cơ bản lộ trình điều chỉnh giá đã hoàn thành do vậy chính phủ sẽ không điều chỉnh mạnh giá các dịch vụ. Về mặt định lượng có thể thấy, nếu tình hình điều tiết được giữ vững cùng với sự hỗ trợ nền kinh tế của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED), lạm phát cơ bản có xu hướng giảm và có thể sẽ tiệm cận ở mức 1% vào năm 2019-2020. Những biến động của thị trường thời gian gần đây đặc biệt là việc giá điện tăng 8,36% sẽ đem lại những biến động đáng kể đối với các hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Việc giá điện tăng cùng lúc với giá xăng dầu, theo nguyên lý thị trường sẽ làm tăng giá cả tiêu dùng. Do vậy, khuyến khích tăng tiêu dùng và các ngành sản xuất xanh, đồng thời hạn chế các ngành tiêu thụ nhiều năng lượng sẽ là hướng đi chính sách chính trong thời gian tới.

### Lãi suất

Từ năm 2015 đến hết năm 2016, lãi suất tiền gửi và tiền vay đều được giữ ở mức ổn định, không có biến động quá lớn. Lãi suất có tăng nhẹ trong khoảng 2017-2018, cụ thể lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm 2018, trong khi lãi suất cho vay bình quân đạt 8,91% so với mức 8,86% cùng kỳ năm ngoái. Năm 2018 tổng tài sản các định chế tài chính tăng 11,5% (năm 2017 tăng 17,5%). Trong đó, tổ chức tín dụng chiếm tỷ trọng 95,5%. Cung ứng vốn của thị trường vốn gia tăng. Chất lượng tài sản cải thiện, cụ thể tỷ lệ nợ xấu hệ thống tài chính là 2,4% (năm 2017 là 2,5%). Lãi suất liên ngân hàng giảm ở một số kỳ hạn ngắn nhưng đồng loạt tăng ở các kỳ hạn dài, thanh khoản hệ thống vẫn được duy trì ổn định. Đầu năm 2019, thị trường tiền tệ và tài chính của Việt Nam được đánh giá là tương đối ổn định. Tính đến ngày 25/02/2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,11%; huy động vốn tăng 1%, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 0,77% so với cuối năm 2018. Theo thông tin hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), tuần từ ngày 14-18/1, lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở

mức 0,5-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng. Mức 4,5-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,6-7,3%/năm.

Nhìn chung, trong năm 2019, lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều. Cùng với đó, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỉ giá. Một số Ngân Hàng Trung Ương trong khu vực có thể bắt đầu đi vào chu kỳ cắt giảm lãi suất, vì họ không còn bị áp lực từ Fed tăng lãi suất nhiều nữa nên sẽ điều chỉnh lại Chính sách Tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

### Tỷ giá

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí tài chính do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng nhiều ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào. Mặc dù thị trường ngoại hối Việt Nam về cơ bản ổn định (do quan hệ cung-cầu cơ bản ổn, thanh khoản thị trường tương đối dồi dào, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng...), nhưng những biến động mạnh trên thị trường ngoại hối quốc tế có tác động nhất định tới tỷ giá USD/VND.

Đối với Dabaco, doanh nghiệp đã hạn chế đến mức tối đa tỷ giá bằng cách (1) giảm thiểu các khoản vay bằng ngoại tệ và (2) Công ty nhận các khoản nợ từ nhà cung cấp thông qua các tổ chức tín dụng bằng tiền VND. Tuy nhiên rủi ro tỷ giá vẫn ảnh hưởng đến Công ty trong một số thời điểm nhất định; khi mặt bằng tỷ giá chung lên quá cao sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào lên cao theo và làm thay đổi kế hoạch doanh thu lợi nhuận tương ứng.

Trong gần 4 tháng đầu năm 2019, tỷ giá giao dịch ổn định. Tuy nhiên, đến đầu tháng 5/2019, tỷ giá VND/USD biến động mạnh hơn, khiến cho tính đến hết ngày 24/5/2019, tỷ giá giao dịch đã tăng khoảng 0,95% so với đầu năm; riêng giai đoạn từ ngày 6/5 đến 24/5/2019, tỷ giá giao dịch đã tăng khoảng 0,5%. Nguyên nhân chủ yếu là do: (i) đồng USD mạnh lên trên thị trường thế giới, (ii) lo ngại về cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung leo thang; qua đó tác động đến tâm lý và hoạt động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân, còn quan hệ cung-cầu ngoại tệ cơ bản ổn định. Đáng lưu ý là từ ngày 20/5 đến nay, tỷ giá đã ổn định trở lại, thậm chí VND có xu hướng tăng giá nhẹ so với USD. Theo dự đoán của các chuyên gia của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV, tỷ giá USD/VND trong tầm kiểm soát và tăng 2-3% trong năm 2019 là mức chấp nhận được.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam là công ty đại chúng, đang thực hiện niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và dự kiến chuyển đăng ký giao dịch sang Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật. Với sự ổn định của môi trường pháp lý, sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chung của pháp luật cũng như những yêu cầu riêng của ngành trong các hoạt động của Công ty, có thể thấy rủi ro về pháp luật không phải là những rủi ro đáng kể.

## 3. Rủi ro đặc thù ngành

### Rủi ro về cạnh tranh



Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi có rào cản gia nhập ngành thấp, do đó công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

Hiện nay, trên thị trường Việt Nam, một số đối thủ có tỉ trọng đáng kể như Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN, CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An... là những đối trọng đáng kể cho Công ty DBC, với các rủi ro cạnh tranh trong từng phân ngành sản xuất:

- Thức ăn chăn nuôi: Số liệu của Cục Chăn nuôi thống kê ở nước ta hiện có khoảng 218 DN trong và ngoài nước sản xuất thức ăn chăn nuôi với công suất khoảng 28.200 tấn/năm; trong đó, có 71 DN FDI và 147 DN Việt Nam. Công suất sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam chiếm khoảng 30-35% tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi sản xuất ra. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp FDI không ngừng chủ động phát triển hoạt động sản xuất với tham vọng chiếm lĩnh thị trường, ví dụ mới đây, Tập đoàn Mavin (liên doanh giữa Australia và Việt Nam) vừa chính thức khánh thành nhà máy thức ăn chăn nuôi Mavin Austfeed Đồng Tháp. Ngoài ra, các DN Việt như Masan, Hùng Vương, CP cũng đang muốn giành lại thị phần bằng việc đầu tư lớn vào ngành này. Tuy nhiên, rủi ro cạnh tranh của ngành là không hề nhỏ khi doanh nghiệp FDI đang nắm ưu thế quá lớn do đã gia nhập thị trường Việt Nam cách đây 10 - 25 năm, cộng thêm những ưu thế vượt trội về vốn đầu tư, sản phẩm công nghệ hiện đại, chiến lược xâm nhập và chiếm lĩnh thị trường bài bản.
- Chăn nuôi lợn và lợn giống: Đối với ngành chăn nuôi lợn, giá thành chăn nuôi của Việt Nam chưa cạnh tranh. Điều này đến từ năng suất: nguyên liệu đầu vào chủ yếu phải nhập khẩu, nguồn giống năng suất chưa cao, hệ thống quản lý trang trại chưa tối ưu. Hiện nay, nhu cầu sử dụng chính của người tiêu dùng là thịt lợn tươi, và đang dần làm quen với sử dụng các loại hàng đông lạnh. Do vậy, các rủi ro liên quan đến thị hiếu và năng lực cạnh tranh đến từ hoạt động sản xuất và sử dụng trang trại sẽ là những yếu tố chính của doanh nghiệp nội địa khi đem so sánh về khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.
- Trứng gà: Thị trường trứng sạch từ nhiều năm nay tuy đã có sự tham gia của rất nhiều doanh nghiệp như: CP, Ba Huân, Vĩnh Thành Đạt, Vfarm, Emivest. Nhìn chung, thị trường sản xuất trứng gà vẫn còn mới mẻ với kì vọng gia tăng các mặt hàng sản phẩm. Trong khi hoạt động sản xuất chăn nuôi gia cầm tại thị trường trong nước khá dồi dào, thậm chí có một số thời điểm rơi vào tình trạng cung lớn hơn cầu, chính sách bỏ hạn ngạch thuế quan cho trứng thương phẩm nhập khẩu có xuất xứ từ các nước ASEAN từ năm 2018 sẽ gây áp lực không nhỏ cho ngành trứng gia cầm trong nước. Tuy nhiên, cam kết trong hội nhập khu vực không tránh khỏi việc mở cửa thị trường cho các mặt hàng. Rủi ro cho phân ngành này đó là làm sao để đảm bảo và nâng sức cạnh tranh cho sản phẩm trứng nội địa.

Tuy nhiên, với lợi thế đa ngành và đầu tư bền vững, rủi ro về cạnh tranh trong ngành được giảm bớt nhờ vào tiềm năng của DBC trong thời gian tới.

### **Rủi ro về yếu tố đầu vào**

- Thức ăn chăn nuôi (TĂCN): Thống kê trong năm 2018 của Tổng cục Hải quan cho thấy, Việt Nam vốn là một quốc gia nông nghiệp, nhưng mỗi năm vẫn phải chi tới 3 tỷ USD nhập khẩu TĂCN và nguyên liệu để sản xuất sản phẩm này. Nghịch lý này tồn tại đã nhiều năm. Trong năm 2018, ước tính 70% tổng nguồn nguyên liệu thô làm TĂCN, bao gồm TĂCN công nghiệp, là từ nguồn nhập khẩu. Hiện tại, ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước đang phụ thuộc nhiều vào các nguyên

liệu nhập khẩu. Trên thực tế, sự biến động tăng giá nguyên liệu đầu vào trên thế giới trong thời gian qua đã gây ra những khó khăn trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước bởi các doanh nghiệp này chưa chủ động được nguồn nguyên liệu cũng như chưa lường hết được những diễn biến thất thường của giá nguyên liệu trên thị trường nên rất khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn.

- Chăn nuôi lợn và lợn giống: Đối với phân ngành chăn nuôi, rủi ro phần lớn đến từ chi phí lớn cho chi phí đầu vào đặc biệt cho hoạt động chăn nuôi do năng suất chăn nuôi và sử dụng chuồng trại còn yếu. Việc gặp khó khăn cho hoạt động tiêu thụ cũng biến những tác động từ yếu tố đầu ra thành rủi ro cho yếu tố đầu vào, người nông dân và nhà sản xuất thường rơi vào tình cảnh bấp bênh.
- Trứng gà: Thị trường trứng sạch giờ đây đã có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp nên tình trạng cạnh tranh là tất yếu. Thực tế việc nhập dây chuyền máy móc để xử lý trứng sạch là một thách thức cốt lõi khi tham gia vào lĩnh vực kinh doanh này. Bên cạnh đó, vốn, con giống, kỹ thuật, phòng chống dịch bệnh cũng là những rủi ro cần được hạn chế. Yêu cầu đặt ra là mạnh dạn mở rộng chăn nuôi dựa trên những ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất. Từ đó kéo giảm chi phí đầu vào, tăng chất lượng sản phẩm để ổn định và phát triển tốt đầu ra.

Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của giá nguyên liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động lên kế hoạch sản xuất, từ đó, thực hiện ký kết các hợp đồng thu mua nguyên liệu phù hợp với các nhà cung cấp lớn qua đó giúp đảm bảo sự ổn định của các nguồn cung cấp cũng như giá thu mua nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động trong việc nghiên cứu, phát triển các nguồn nguyên liệu có thể sản xuất ngay trong nước thay vì phải nhập khẩu.

Nhìn chung, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào vẫn được xem là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **Rủi ro về dịch bệnh và sự biến động của thời tiết**

Thời tiết biến đổi bất thường và dịch bệnh thường xuyên được xem là một trong các rủi ro không thể tránh khỏi mà các công ty trong ngành chăn nuôi nói chung và Dabaco nói riêng phải đối mặt. Những đại dịch như dịch cúm gia cầm, lở mồm long móng, dịch tả lợn châu Phi... đã khiến cho nhiều doanh nghiệp và người chăn nuôi điêu đứng. Năm 2019, lãnh đạo Dabaco dự báo ngành chăn nuôi còn nhiều khó khăn. Riêng quý I năm 2019, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, dịch tả lợn châu Phi đã ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi. Trước tình hình khó khăn của thị trường và dịch bệnh, Ban lãnh đạo Công ty đặt trọng tâm của Dabaco trong năm 2019 là phải đảm bảo an toàn sinh học cho tất cả các nhà máy, trại giống, trại lợn thịt, gia công... Việc này được tập đoàn chỉ đạo từ đầu năm, khi bệnh dịch tại Trung Quốc xuất hiện cuối 2018

Do đó, Dabaco đặt sự chú trọng vào công tác vệ sinh, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001, tiêu chuẩn ISO 22000, HACCP, GMP và chương trình thực hành tốt 5S nhằm chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời bảo đảm sản phẩm lợn, gà cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm. Các biện pháp phòng chống nên trên luôn được Công ty chú trọng để giảm thiểu rủi ro dịch bệnh.

### **Rủi ro về biến động giá cổ phiếu**

Cổ phiếu DBC niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



đồng có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn đầu tư phát triển và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu DBC sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước, nhưng không có nhiều tác động đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **4. Các rủi ro khác**

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Ông <b>Nguyễn Như So</b>	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông <b>Nguyễn Khắc Thảo</b>	Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông <b>Nguyễn Văn Lĩnh</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà <b>Nguyễn Thị Thu Hương</b>	Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn – Công Ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội

Bà **Trần Thị Thu Hương**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

*(Giấy ủy quyền số: 03/2019/UQ-LVS do Bà Nguyễn Thị Bích Hồng – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt ký ngày 01/04/2019)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội (LVS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

**Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:**

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
Công ty/ DABACO/ DBC	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
CP	:	Cổ phần
CTCP	:	Công ty Cổ phần
DT	:	Doanh thu
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
DT	:	Doanh thu
GTCL	:	Giá trị còn lại
HĐ	:	Hợp đồng
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LN	:	Lợi nhuận
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
MTV	:	Một thành viên





**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



---

PR	: Công tác truyền thông và quan hệ công chúng
LVS	: Công Ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội
TẮCN	: Thức ăn chăn nuôi
TGD	: Tổng Giám đốc
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	: (thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	: (thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
USD	: Đô la Mỹ
Vốn CSH	: Vốn chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ
VND	: Đồng Việt Nam
n/a	: không áp dụng



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1. Giới thiệu chung về công ty

Tên giao dịch	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM</b>
Vốn điều lệ	: <b>910.998.280.000</b> (chín trăm mười tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng)
Vốn chủ sở hữu	: <b>2.766.584.879.200</b> (Hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm tám mươi tư triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng)
Địa chỉ	: Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại	: 0222 3826077 - 3895111
Fax	: 0222 3896000 – 3825496
Email	: <a href="mailto:contact@dabaco.com.vn">contact@dabaco.com.vn</a>
Website	: <a href="http://www.dabaco.com.vn">www.dabaco.com.vn</a>
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 2300105709 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004 và điều chỉnh lần thứ 18 ngày 25/04/2019
Mã chứng khoán	: <b>DBC</b>
Logo Công ty	: 

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

**Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính của DABACO**

Tên ngành nghề kinh doanh chính
Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc
Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, đại lý và kinh



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa
Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ
Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản, nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc, gia súc, gia cầm và thủy sản
Kinh doanh siêu thị

Nguồn: Dabaco

## 1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

**Bảng 2: Quá trình hình thành và phát triển của DABACO**

Những cột mốc phát triển quan trọng	
Năm 1996-1997	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được thành lập ngày 29/3/1996 (tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc). Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.
Năm 2005	Khánh thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh. Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316 QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.
Năm 2006	Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc 4 tấn/giờ. Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.
Năm 2007	Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.
Năm 2008	Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco và Trung tâm chẩn đoán thú y Dabaco. Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 29/4/2008, đổi tên thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.
Năm 2009	Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh; Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.
Năm 2010	Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO. Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngan giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công.



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



**Những cột mốc phát triển quan trọng**

Năm 2011	Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco và các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án theo hình thức BT gồm: Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL 295B Từ Sơn. Chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội. Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/3/2011, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.
Năm 2012	Thành lập doanh nghiệp dự án Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh. Khánh thành Nhà máy chế biến TACN Dabaco Hoàn Sơn công suất 5 tấn/h chuyên sản xuất thức ăn heo con tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
Năm 2013	Giải thể Công ty cổ phần thủy sản CSC Dabaco và chuyển toàn bộ số vốn góp sang đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc, gia cầm Dabaco. Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu gà 9 cửa Dabaco; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco; Nhà máy sản xuất con giống gia cầm; Xí nghiệp gà đẻ trứng của Công ty ĐT&PT chăn nuôi gia công.
Năm 2014	Khai trương Siêu thị Dabaco Gia Bình tại Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, Bắc Ninh. Đưa vào hoạt động dây chuyền xử lý trứng tự động được nhập khẩu của hãng MOBA – Hà Lan, với các công đoạn xử lý tự động qua các khâu: Rửa trứng – Làm khô – Khử trùng bằng tia cực tím – Soi trứng – Cân, phân loại trứng – In ngày sản xuất và đóng gói sản phẩm. Nhờ vậy, sản phẩm có độ đồng đều cao và đảm bảo chất lượng, an toàn hơn cho người sử dụng.
Năm 2015	Thành lập Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ... Đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học Dabaco.
Năm 2016	Ngày 28/12/2016, khánh thành Khách sạn Le Indochina đạt tiêu chuẩn 5*. Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài. Sáp nhập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco vào Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco. Mua lại Công ty cổ phần Tâm Tâm và thực hiện sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang.
Năm 2017	Ngày 15/01/2017, khánh thành Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn. Ngày 10/02/2017, khánh thành Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh. Thành lập Nhà máy chế biến trứng Dabaco. Năm 2017, Công ty hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án lớn gồm: Khu chăn nuôi tại Hà Nam, Phú Thọ, Lương Tài, Hải Phòng và Nhà máy TÁC N Nasaco Hà Nam; Nhà máy sản xuất bột nhựa xuất khẩu.
Năm 2018	Tháng 4/2018, Khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm thương mại Dabaco Quế Võ với quy mô lớn và hiện đại bậc nhất Bắc Ninh. Tập đoàn Dabaco tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, thành lập mới các công ty: Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang, Công ty TNHH đầu tư và phát triển cụm công nghiệp Khúc Xuyên
Năm 2019	Tháng 5/2019: Khánh thành và đưa vào hoạt động Nhà máy ép dầu thực vật Dabaco.

Nguồn: Dabaco

### 1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

**Bảng 3: Quá trình tăng vốn điều lệ của DABACO**

Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (VND)	Mức vốn tăng (VND)	Phương thức phát hành	Cơ quan chấp thuận và GCN ĐKKD
Khi cổ phần hóa năm 2004	<b>70.000.000.000</b>			Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 21.03.000084 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004
Tháng 02/ 2008	<b>94.500.000.000</b>	<b>24.500.000.000</b>	Phát hành đợt 1 năm 2007 (Chào bán 2.450.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, thành viên HĐQT, cán bộ chủ chốt và người lao động mới tuyển dụng trong công ty tương đương 24,5 tỷ đồng)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 21.03.000084 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 19/02/2008
Tháng 02/2009	<b>177.000.000.000</b>	<b>82.500.000.000</b>	Phát hành năm 2008 (chào bán 8.250.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, thành viên HĐQT và người lao động mới tuyển dụng trong công ty tương đương 82,5 tỷ đồng)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 06/02/2009
Tháng 07/2009	<b>188.166.600.000</b>	<b>11.166.600.000</b>	Phát hành 1.116.660 cổ phiếu cho đối tượng là cổ đông hiện hữu của Công ty CP TM Hiệp Quang để hoán đổi lấy 1.674.990 cổ phiếu của Công ty cổ phần	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (VND)	Mức vốn tăng (VND)	Phương thức phát hành	Cơ quan chấp thuận và GCN ĐKKD
			Thương mại Hiệp Quang và Công ty CP Dabaco Việt Nam sở hữu 100% sau khi hoán đổi cổ phiếu.	Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 14/07/2009
Tháng 11/2009	<b>254.466.600.000</b>	<b>66.300.000.000</b>	Phát hành 6.630.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/11/2009
Tháng 02/2011	<b>436.111.000.000</b>	<b>181.644.400.000</b>	Phát hành năm 2010	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22/02/2011
Tháng 02/2012	<b>484.099.600.000</b>	<b>47.988.600.000</b>	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu (lần 1)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24/02/2012
Tháng	<b>627.419.230.000</b>	<b>143.319.630.000</b>	Chuyển đổi từ trái phiếu	Ủy ban Chứng khoán



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (VND)	Mức vốn tăng (VND)	Phương thức phát hành	Cơ quan chấp thuận và GCN ĐKKD
02/2013			chuyển đổi sang cổ phiếu (lần 2)	Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/02/2013
Tháng 03/2016	<b>752.899.590.000</b>	<b>125.480.360.000</b>	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 (tỷ lệ 20%)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/03/2016
Tháng 04/2017	<b>828.181.650.000</b>	<b>75.285.060.000</b>	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016 (tỷ lệ 10%)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07/04/2017
Tháng 04/2019	<b>910.998.280.000</b>	<b>82.813.630.000</b>	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 10%)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300105790 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu





BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

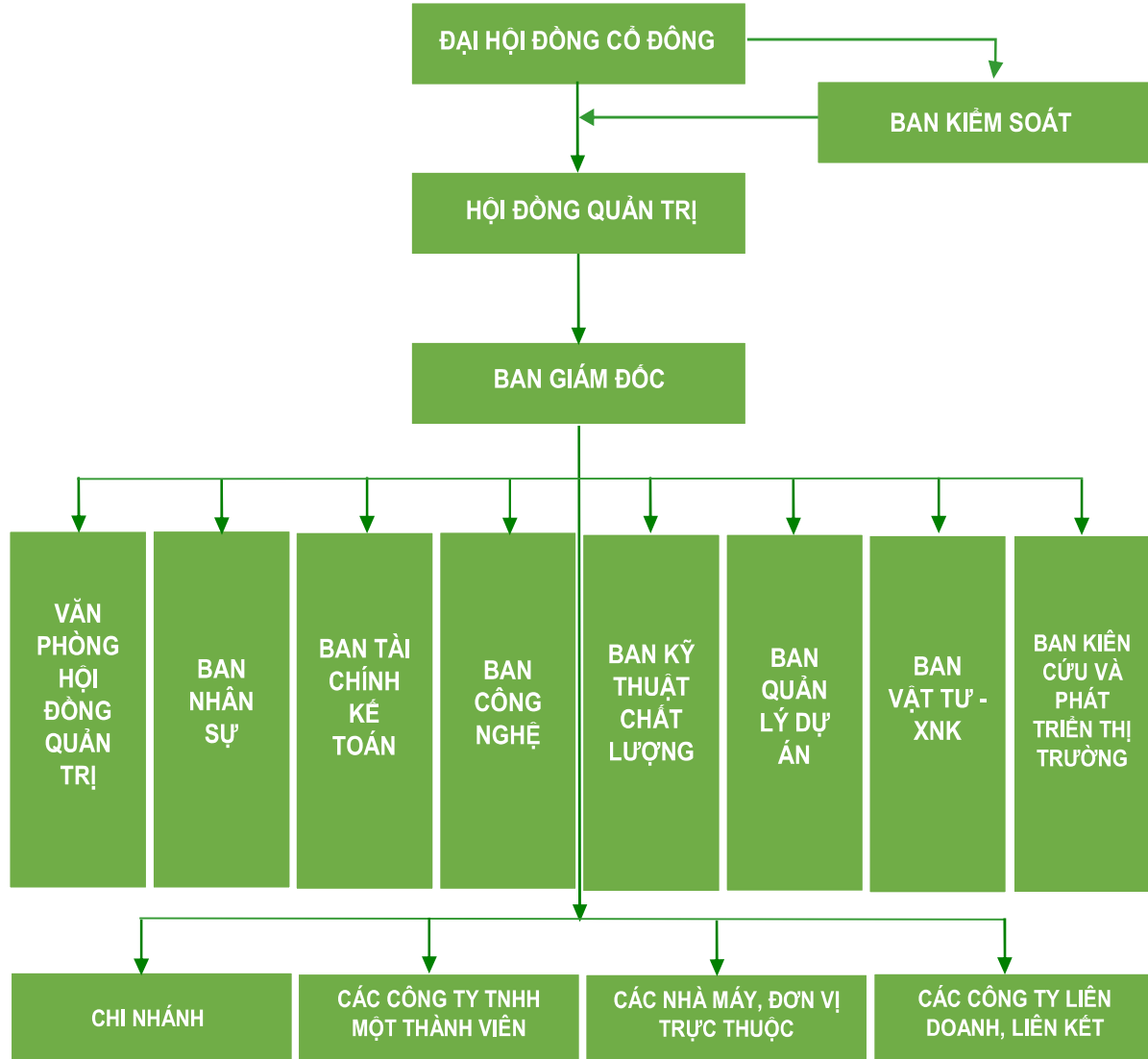


Các đợt tăng vốn	VĐL sau tăng (VND)	Mức vốn tăng (VND)	Phương thức phát hành	Cơ quan chấp thuận và GCN ĐKKD
				ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 25/04/2019

Nguồn: Dabaco

## 2. Cơ cấu tổ chức

Ảnh 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam



Nguồn: Dabaco

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý

### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo của Hội đồng quản trị, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và quyết định bộ máy quản lý và điều hành của Công ty.

### Hội đồng quản trị



Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quản lý và chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc khác của Công ty giữa hai kỳ đại hội. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty gồm có 9 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

#### **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các báo cáo tài chính. Hiện tại, Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hiện tại, Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm có 6 thành viên.

#### **Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành, một hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

#### **Cán bộ quản lý**

Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

#### **Công nhân viên và Công đoàn**

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

#### **Chức năng của các phòng ban:**

##### **\* Văn phòng Hội đồng quản trị:**

- Tham mưu, giúp việc Chủ tịch HĐQT xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động; Tổ chức các cuộc họp; Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- Tham mưu, tư vấn các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và HĐQT; Tham gia thực hiện công tác hành chính văn phòng và công việc khác theo yêu cầu của Lãnh đạo Tập đoàn.



**\* Ban nhân sự:**

- Nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy lao động, các chính sách, quy định của Tập đoàn về quản trị nhân sự;
- Là cầu nối công tác từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến các bộ phận/cá nhân và ngược lại. Làm trung tâm thông tin nhằm thông báo chính sách, quy định, chỉ đạo hướng dẫn của Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến các bộ phận/cá nhân và thu nhận phản hồi một cách kịp thời, chính xác;
- Tham mưu Ban Lãnh đạo Tập đoàn nhằm xây dựng, duy trì và phát triển một môi trường làm việc văn minh, thân thiện và chuyên nghiệp.

**\* Ban tài chính kế toán:**

- Thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính - kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán, Luật kế toán...
- Theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Tập đoàn dưới mọi hình thái và cố vấn cho Ban lãnh đạo Tập đoàn các vấn đề liên quan;
- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh;
- Cùng với các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hữu hiệu.

**\* Ban công nghệ:**

- Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tập đoàn trong lĩnh vực công nghệ, đổi mới công nghệ sản xuất nâng cao năng lực vận hành máy móc, thiết bị, năng suất lao động, đáp ứng các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; Quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị tại các dây chuyền sản xuất; Lập kế hoạch bảo dưỡng cho toàn bộ hệ thống dây chuyền, máy móc, thiết bị định kỳ hàng tháng/quý/năm để đảm bảo hệ thống dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất luôn vận hành an toàn và hiệu quả.

**\* Ban kỹ thuật chất lượng:**

- Nghiên cứu, xây dựng và tổ chức sản xuất thức ăn chăn nuôi ở các đơn vị trong Tập đoàn;
- Kiểm tra chất lượng và bảo quản các loại nguyên liệu, chất bổ sung, chất phụ gia và các loại kháng sinh để sản xuất các loại thức ăn chăn nuôi;
- Nghiên cứu, phân tích chất lượng nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi;
- Kiểm tra và tổ chức quản lý kỹ thuật chăn nuôi trong toàn Tập đoàn.

**\* Ban vật tư xuất nhập khẩu:**

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Tập đoàn trong công tác thu mua, dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đảm bảo hiệu quả, kinh tế;
- Tổ chức thu mua nguyên liệu, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản kho thành phẩm, kho nguyên liệu đảm bảo khoa học, dễ lấy, dễ kiểm tra.

**\* Ban quản lý dự án:**

- Tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Tập đoàn trong việc xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của Tập đoàn.

**\* Ban nghiên cứu và phát triển thị trường:**

- Tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Tập đoàn trong chiến lược phát triển thị trường;

- Xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý, năm, kế hoạch dài hạn và chiến lược phát triển thị trường TACN của Tập đoàn;
- Theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của các sản phẩm, các thương hiệu, các vùng thị trường tiêu thụ TACN của Tập đoàn; nghiên cứu đề xuất các giải pháp hỗ trợ phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống kinh doanh TACN của Tập đoàn;

**4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**Bảng 4: Cơ cấu cổ đông**

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>66.398.127</b>	<b>72,89%</b>
	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	26.267.812	28,83%
	Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	13.837.277	15,19%
	Cổ đông tổ chức	12.397.012	13,61%
	Cổ đông cá nhân	54.001.115	59,28%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>24.701.701</b>	<b>27,11%</b>
	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	7.943.601	8,72%
	Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	4.627.189	5,08%
	Cổ đông tổ chức	24.402.134	26,79%
	Công đồng cá nhân	299.567	0,33%
	<b><u>Tổng cộng:</u></b>	<b>91.099.828</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông của DABACO tại ngày 07/06/2019*

**Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty) và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

**Bảng 5 :Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số ĐKSH, Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Nguyễn Như So	CMND số 125355697 do Công an Bắc Ninh cấp ngày 26/08/2008 Số 87, Lê Văn Thịnh, P.Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	16.645.809	18,27%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Giấy chứng nhận số 02/GCNTVLK-3 do TTLKCK cấp ngày 20/12/2018 Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	9.622.003	10,56%
3	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	Giấy chứng nhận số CA5425 do TTLKCK cấp ngày 24/08/2011 1 Raffles Place, #29-02 One Raffles Place, Singapore (048616)	7.943.601	8,72%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>34.211.413</b>	<b>37,55%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông DABACO tại ngày 07/06/2019*

**5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết tham gia góp vốn.**

**5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối DABACO**

Không có

**5.2. Công ty con, doanh nghiệp dự án**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các Công ty con và doanh nghiệp dự án sau:

**Bảng 6: Các công ty con và doanh nghiệp dự án của DABACO**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu 2018	Lợi nhuận sau thuế 201
<b>I</b>	<b>Công ty con:</b>							
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	120 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc	217.323.	14.522
2	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	26 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.	91.766	17.280
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	25 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi gia cầm, sản xuất, chế biến trứng.	289.843	(18.928)
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	30 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm.	1.314.024	134.883





BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



5	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	10 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi và kinh doanh gà giống.	328.400	26.157
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	20 tỷ	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao	Đang trong thời gian xây dựng dự án	
7	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	59 tỷ	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit...; Sản xuất bột nhựa từ LLDPE, LDPE, HDPE	334.999	201
8	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	118 tỷ	100%	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại.	559.595	(18.866)

9	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco	Số 6 đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	20 tỷ	100%	100%	Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị ngành xây dựng,...	80.559	6.853
10	Công ty TNHH Nutreco	Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	50 tỷ	100%	100%	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	907.904	40.654
11	Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	35 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt.	28.674	5.836
12	Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	Thôn Thượng Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	40 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt.	64.765	3.235



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



13	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	100 tỷ	100%	100%	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	566.243	(14.875)
14	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	50 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt.	52.180	13.123
15	Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn Le Indochina	Số 45 Đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh	210 tỷ	100%	100%	Dịch vụ Lưu trú, nhà hàng, ăn uống, thương mại, dịch vụ.	46.547	(17.117)
16	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	Thôn Thanh Khê, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	50 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt.	35.046	10.426
17	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang	Thôn Định Trung, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	50 tỷ	100%	100%	Chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt.	Chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận năm 2018 do mới được thành lập	



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



18	Công ty TNHH MTV cảng Dabaco Tân Chi	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, Bắc Ninh	10 tỷ	100%	100%	Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi, mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa, cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi	5.081	148
19	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm Công nghiệp Phúc Xuyên	Khu Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	43 tỷ	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Xây dựng công trình công nghiệp; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dịch vụ làng nghề, khu đô thị và nông thôn; công trình giao thông, thủy lợi, cầu, cống).	Chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận năm 2018 do mới được thành lập	
<b>II Doanh nghiệp dự án</b>								
20	Công ty TNHH xây dựng Hồ Điều Hòa Văn Miếu Bắc Ninh	Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	100 tỷ	100%	100%	Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất...	Chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận năm 2018 do mới được thành lập	

21	Công ty TNHH xây dựng đường từ Đền Đô đến đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn	Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	200 tỷ	100%	100%	Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất...	Chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận năm 2018 do mới được thành lập
22	Công ty TNHH xây dựng đường Kinh Dương Vương 3 và đường Trường Chinh	Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	25 tỷ	100%	100%	Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất...	Chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận năm 2018 do mới được thành lập

*Nguồn: Dabaco*

### 5.3. Công ty liên doanh, liên kết

**Bảng 7: Các công ty liên doanh, liên kết của DABACO**

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty cổ phần Transeco	Cụm CN Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	60	33,33%	33,33%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lĩnh vực kinh doanh
2	Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Dabaco	Nam Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	230	45,65%	45,65%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Giết mổ và chế biến thịt động vật, gia cầm, gia súc; Đóng gói và đóng hộp: Thịt hộp, xúc xích, lạp xưởng, patê, giăm bông, thịt hun khói, thịt khô, bóng bì lợn)

*Nguồn: Dabaco*

## 6. Hoạt động kinh doanh

Kiên trì gắn bó với ngành chăn nuôi cùng với việc mở rộng lĩnh vực hoạt động, Dabaco đã có những thành tựu đáng kinh ngạc được thể hiện ở các chỉ số tài chính trong năm vừa qua. Với chiến lược hoàn thiện mô hình hệ sinh thái 3F (Feed Farm – Food) Thức ăn chăn nuôi – Chăn nuôi – Thực phẩm cung cấp thực phẩm sạch từ trang trại, nhà máy đến bàn ăn, trong năm 2018 Dabaco đã ghi nhận doanh thu đạt mức 6.674 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 360 tỷ đồng - vượt xa kế hoạch đặt ra trong năm 2017 đến 146%.

### 6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm

Tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1996 và được cổ phần hóa năm 2005, DABACO Việt Nam hiện đang hoạt động đa ngành trong các lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất giống gia súc gia cầm, chăn nuôi gia công, thực phẩm, đầu tư và kinh doanh bất động sản, hoạt động hỗ trợ sản xuất – chăn nuôi – tiêu thụ.

#### Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi

Dabaco hiện có 6 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi đang hoạt động, có tổng công suất thiết kế trên 1.000.000 tấn/năm, chiếm 60% doanh thu của Tập đoàn; chủ yếu tập trung tại thị trường Miền Bắc và Miền Trung. Công ty có 09 thương hiệu thức ăn chăn nuôi gồm: DABACO, TOPFEEDS, NASACO, GROWFEEDS, KHANGTIVINA, KINH BẮC, NUTRECO, SUNSHIHE VÀ S-STAR, mỗi thương hiệu có nhiều loại sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy cầm ở các giai đoạn sinh trưởng và phát triển khác nhau.

#### Bảng 8: Công suất và quy mô các nhà máy sản xuất TĂCN đang hoạt động và dự kiến triển khai

*Đơn vị: tấn*

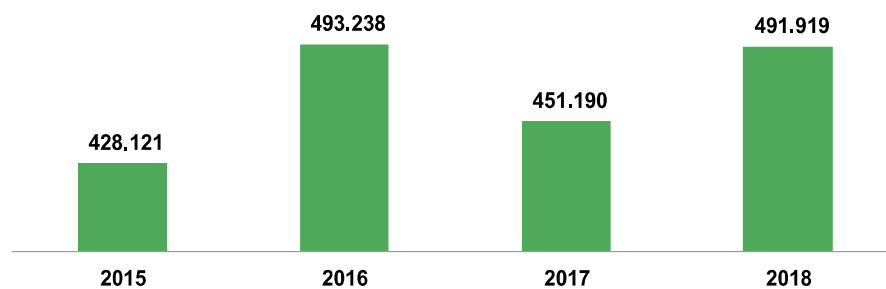
STT	Tên nhà máy	ĐVT	Công suất thiết kế	Sản lượng thực tế năm 2018	Tình trạng hoạt động
-----	-------------	-----	--------------------	----------------------------	----------------------

1.	Nhà máy DABACO	tấn/năm	190.000	137.823	Đang hoạt động
2.	Nhà máy Topfeeds	tấn/năm	290.000	126.832	Đang hoạt động
3.	Nhà máy Kinh Bắc	tấn/năm	60.000	24.753	Đang hoạt động
4.	Nhà máy DABACO Hoàn Sơn	tấn/năm	40.000	25.493	Đang hoạt động
5.	Nhà máy Nasaco Hà Nam	tấn/năm	300.000	57.846	Hoạt động từ tháng 8/2017
6.	Nhà máy Nutreco Bắc Ninh	tấn/năm	150.000	119.198	Đang hoạt động
7.	Nhà máy Nutreco Hà Tĩnh	tấn/năm	275.000	n/a	Đang thi công. Dự kiến đi vào hoạt động từ Quý III/2020
8.	Nhà máy TACN Bình Phước	tấn/năm	120.000	n/a	Đang thi công. Dự kiến hoạt động từ Quý III năm 2019

*Nguồn: Dabaco*

Nhằm mục tiêu tối ưu hóa thời gian cung cấp sản phẩm cho khách hàng và tiết kiệm chi phí vận chuyển, Dabaco đã thực hiện kế hoạch xây dựng các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại các địa bàn có ưu thế về địa điểm và lợi thế về chi phí nhân công, thuế...Hiện tại các nhà máy Nasaco Hà Nam và Nutreco Hà Tĩnh đều chưa chạy hết công suất vì mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2018.

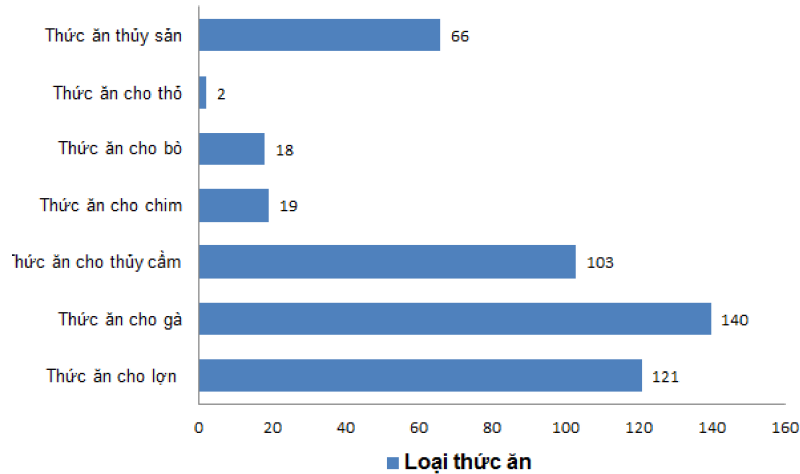
***Biểu đồ 3. Sản lượng thức ăn chăn nuôi của các thương hiệu giai đoạn 2015-2018 (tấn)***



*Nguồn: Dabaco*



*Biểu đồ 4. Các loại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy cầm*



Thức ăn cho lợn bao gồm các loại thức ăn cho lợn thịt, lợn nái. Công ty hiện đang sản xuất 121 loại sản phẩm thức ăn cho lợn (lợn thịt: 79 loại sản phẩm, lợn nái: 18 loại sản phẩm, thức ăn đậm đặc cho lợn là 24 loại sản phẩm);

Thức ăn cho gà: 140 loại sản phẩm (39 loại cho gà thịt lông trắng, 63 loại cho gà thịt lông màu, 27 loại cho gà hậu bị và gà đẻ trứng, đậm đặc gà: 11 loại);

Thức ăn cho thủy cầm: 106 loại sản phẩm, trong đó: 88 loại cho vịt thịt, 18 loại cho vịt đẻ;

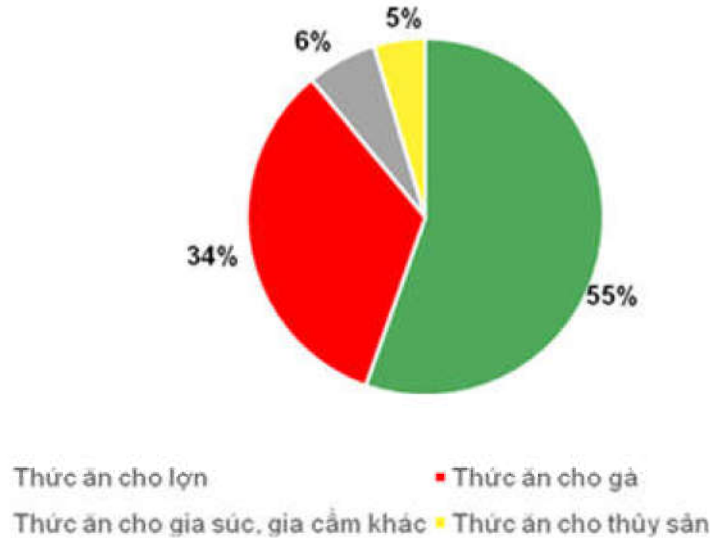
Thức ăn cho chim: 19 loại sản phẩm (chim cút 14 loại, chim cảnh 5 loại)

Thức ăn cho bò: 18 loại sản phẩm cho bò thịt, bò sữa

Thức ăn cho thỏ: 2 loại sản phẩm cho thỏ thịt và thỏ sinh sản

Thức ăn thủy sản: 66 loại sản phẩm (38 loại cho cá có vảy, 8 loại thức ăn cho cá da trơn (cá tra, cá basa...), 12 loại thức ăn cho ếch, 2 loại cho cá tầm, 2 loại cho cá hồi và 4 loại cho cá biển)

Biểu đồ 5. Cơ cấu tổng sản lượng thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2018



### Lĩnh vực chăn nuôi

Dabaco nổi tiếng trên thị trường khi sở hữu nhiều giống lợn, gà có năng suất và chất lượng cao. Các loại lợn giống gốc như Duroc, Pietrian, Landrace, Yorkshire đều được công ty nhập khẩu trực tiếp từ Canada, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Mỹ, Đài Loan... về để nhân đàn và lai tạo ra những giống lợn mới tích hợp các đặc tính ưu việt của một số giống lợn ngoại cho năng suất, chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và hàng năm công ty đều nhập mới để làm tươi máu đàn giống gốc.

- ❖ **Gà giống:** Trong năm 2018, Công ty sản xuất 24,9 triệu con gà giống bao gồm năm loại gà, cụ thể: gà nòi ô tía DABACO, gà Ja (gà nòi chân vàng), gà 9 cựa DABACO, gà Hubbard – DABACO, Gà J – DABACO.
- ❖ **Lợn giống:** Lợn giống cụ kỵ, ông bà được Công ty chăn nuôi để cung cấp giống ra thị trường. Các sản phẩm của công ty bao gồm lợn giống hậu bị và lợn giống con cai sữa. Trong năm 2018, Công ty sản xuất được hơn 25.973 con giống hậu bị và hơn 277 nghìn con lợn giống cai sữa. Để hỗ trợ lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm, DABACO có trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc gia cầm và trung tâm chuẩn đoán thú y thực hiện các chức năng nghiên cứu, lai tạo giống mới có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh; tổ chức khảo nghiệm và ứng dụng trong hệ thống trang trại của Công ty, chuyển giao kết quả nghiên cứu cho người chăn nuôi; lấy mẫu bệnh phẩm, chẩn đoán và đưa ra phác đồ điều trị giúp các cơ đơn vị chăn nuôi kiểm soát được dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.
- ❖ **Chăn nuôi gia công:** Công ty có hệ thống các trang trại chăn nuôi gia công gà, lợn với qui mô lớn, trang thiết bị hiện đại, tự động hóa và thân thiện với môi trường. Sản phẩm gà thịt, trứng gà và lợn thịt đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm theo qui định của pháp luật và tiêu chuẩn HACCP, cung cấp cho thị trường và đáp ứng nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy chế biến thực phẩm của Công ty. Trong năm 2018, Công ty sản xuất được hơn 32.200 tấn thịt lợn và 130 triệu quả trứng gà.

- ❖ **Chế biến thực phẩm:** Thịt chế biến (má đùi hun khói, chân giò hun khói, đùi gà hun khói, cánh gà hun khói), các sản phẩm xúc xích, dăm bông, đồ hộp, giò, chả, ruốc. Hoạt động chế biến thực phẩm được thực hiện tại Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Dabaco – công ty liên kết của Công ty

**Bảng 9: Công suất và qui mô các trang trại chăn nuôi đang hoạt động và dự kiến triển khai**

STT	Tên trang trại	Sản phẩm cung cấp	Công suất thiết kế (con nái)	Sản lượng thực tế năm 2018 (con)	Tình trạng hoạt động
1.	Công ty TNHH lợn giống Hạt nhân	Lợn giống	3.500	71.079	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH lợn giống Dabaco Lương Tài	Lợn giống	1.600	29.565	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH lợn giống Dabaco Hải Phòng	Lợn giống	1.800	28.363	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH lợn giống Dabaco Phú Thọ	Lợn giống	4.800	71.486	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH lợn giống Dabaco Lạc Vệ	Lợn giống	2.400	66.777	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH lợn giống Dabaco Hà Nam	Lợn giống	3.200	61.224	Đang hoạt động
7.	Công ty TNHH lợn giống Dabaco Tuyên Quang	Lợn giống	1.500	n/a	Hoạt động từ tháng 7/2018
		Lợn thịt thường xuyên	43.000	n/a	Hoạt động từ tháng 7/2018
8.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển chăn nuôi lợn	Lợn giống	12.000	305.165	Đang hoạt động
		Lợn thịt thường xuyên	120.000	28.000 tấn	Đang hoạt động

**Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn**

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn là một trong các thế mạnh kinh doanh của Công ty. Đầu năm 2018, nhằm hỗ trợ triển khai thực hiện các dự án đầu tư bất động sản của DABACO, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Sàn giao dịch bất động sản DABACO trực thuộc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco (là công ty con do DABACO sở hữu 100% vốn điều lệ), tại địa điểm số 6 đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Một số dự án quy mô lớn tại Bắc Ninh đã được Dabaco triển khai và hoàn thiện tính đến 31/12/2018 như sau:

- Khu đô thị Đền Đô tại Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, Thành phố Bắc Ninh có diện tích 77.023,2m2 tương đương 393 lô đất nền;

- Khu nhà ở Nguyễn Cao tại Phường Võ Cường và phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh có diện tích 6.811,7m<sup>2</sup> tương đương 26 lô đất nền

- Khu nhà ở để bán công viên Hồ Điều Hòa Văn Miếu tại Phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 8.528,2 m<sup>2</sup> tương đương 44 lô đất nền.

Hiện nay, DABACO đang triển khai thực hiện **Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở DABACO Lạc Vệ tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh** có diện tích mặt đất sử dụng khoảng 62.965,5 m<sup>2</sup>, tổng mức đầu tư dự kiến là 177 tỷ đồng.

**Ảnh 1: Phối cảnh Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở DABACO Lạc Vệ**



Hiện tại, DABACO đang sở hữu và vận hành khách sạn **Le Indochina Hotel & SPA**. Le Indochina Hotel & Spa là khách sạn đầu tiên của tỉnh Bắc Ninh được Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam cấp chứng nhận đạt chuẩn 5 sao. Với diện tích 2.367,5 m<sup>2</sup>, khách sạn có 15 tầng với hệ thống phòng nghỉ sang trọng được thiết kế đa dạng từ chất lượng tiêu chuẩn đến cao cấp, gồm các loại phòng: phòng Suitem President, Executive và phòng Deluxe. Trang thiết bị nội thất tinh tế, hiện đại cùng với các dịch vụ bao gồm: Nhà hàng Âu và Á, Nhà hàng Buffet, Nhà hàng Nhật Bản - Hàn Quốc; Phòng hội thảo Quốc tế, Hội trường, Trung tâm tổ chức tiệc cưới, Century 14 Bar, Phòng Karaoke, Beauty Salon, Spa, xông hơi đá muối Hamalaya, Bể bơi bốn mùa, Phòng tập Gym... Dịch vụ phòng 24/24 tạo nên không gian thư giãn tinh tế, độc đáo và những tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

**Ảnh 2: Ngoại cảnh khách sạn Le Indochina Hotel & SPA**



**Bảng 10: Tổng hợp các Dự án bất động sản và khách sạn**

TT	Bất động sản	Thông tin dự án	Tổng mức đầu tư	Tình trạng pháp lý	Tiến độ thực hiện
1.	Khu đô thị Đền Đô	Tại Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, Thành phố Bắc Ninh có diện tích 77.023,2m <sup>2</sup> tương đương 393 lô đất nền	113,5 tỷ đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 119/QĐ-SXD ngày 14/6/2010 của Sở xây dựng v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Đền Đô, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</li> <li>- Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 của UBND v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đền Đô, thị xã Từ Sơn để đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.</li> </ul>	Đã hoàn thành và phân phối hết năm 2018
2.	Khu nhà ở Nguyễn Cao	Tại Phường Võ Cường và phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh có diện tích 6.811,7m <sup>2</sup> tương đương 26 lô đất nền	79,8 tỷ đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 148/QĐ-SXD ngày 17/10/2013 của Sở xây dựng v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch khu nhà ở theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tạo vốn đối ứng công trình BT tại phường Võ Cường và phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh.</li> <li>- Quyết định số 22/QĐ-KHĐT ngày 04/03/2014 của Sở Kế hoạch &amp; Đầu tư v/v phê duyệt Báo cáo KT-KT xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án Công viên hồ điều hòa Văn</li> </ul>	Đã hoàn thành năm 2017



				<p>Miêu theo hình thức BT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1874/UBND-QLĐT ngày 21/11/2013 của UBND TP Bắc Ninh v/v chấp thuận đầu tư Dự án phát triển Khu nhà ở theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tạo vốn đối ứng công trình BT.</li> <li>- Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 26/3/2014 v/v cho phép Công ty chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng khu nhà ở theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, tại TP Bắc Ninh (tạo vốn đối ứng công trình Công viên hồ điều hòa Văn Miếu theo hình thức BT)</li> </ul>	
3.	<p>Khu nhà ở để bán công viên Hồ Điều Hòa Văn Miếu</p>	<p>Tại Phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 8.528,2 m<sup>2</sup> tương đương 44 lô đất nền</p>	<p>96,3 tỷ đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 44/QĐ-SXD ngày 19/4/2014 của Sở xây dựng v/v điều chỉnh quy hoạch chi tiết Công viên hồ điều hòa Văn Miếu, TP Bắc Ninh.</li> <li>- Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở để khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoàn trả chi phí đầu tư xây dựng hồ điều hòa Văn Miếu, TP Bắc Ninh.</li> <li>- Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở để khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoàn trả chi phí đầu tư xây dựng hồ điều hòa Văn Miếu, TP Bắc Ninh.</li> <li>- Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v thu hồi đất và giao đất cho Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam để xây dựng khu nhà ở để bán, tại phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh.</li> </ul>	<p>Đã hoàn thành năm 2017</p>
4.	<p>Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở DABACO Lạc Vệ</p>	<p>Tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có diện tích mặt đất sử dụng khoảng</p>	<p>177 tỷ đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 237/QĐ-SXD ngày 17/8/2017 của Sở xây dựng v/v phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết Khu nhà ở Dabaco Lạc Vệ, tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du.</li> <li>- Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v</li> </ul>	<p>Đang triển khai</p>



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



62.965,5 m <sup>2</sup>	phê duyệt mục đích sử dụng đất dự án xây dựng Khu nhà ở Dabaco Lạc Vệ của Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam.
	- Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất ở dự án xây dựng Khu nhà ở Dabaco Lạc Vệ của Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du.
	- Quyết định chủ trương đầu tư số 120/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/3/2019.
	- Giấy phép xây dựng số 09/GPXD của UBND huyện Tiên Du cấp ngày 27/5/2019.
5.	Khách sạn Le Indochina Hotel & SPA Diện tích 2.367,5 m <sup>2</sup> , khách sạn có 15 tầng 320,7 tỷ đồng - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 3058735586 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh chứng nhận lần đầu ngày 28/12/2011, thay đổi lần 2 ngày 06/6/2017. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM896007 cấp ngày 06/02/2018.

**Lĩnh vực kinh doanh khác: sản xuất bao bì, thương mại dịch vụ**

- ❖ **Bao bì:** Để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi, DABACO có một nhà máy sản xuất bao bì và bạt tại tỉnh Bắc Ninh trong đó công suất thiết kế bao bì là 6.000 tấn/năm và công suất thiết kế bạt là 7.200 tấn/năm.

Trong năm 2017 Công ty sản xuất được 4.720 tấn bao bì. Tháng 9/2017 Nhà máy sản xuất bạt đi vào hoạt động. Trong năm 2018 Công ty sản xuất được 4.445 tấn bao bì và 5.471 tấn bạt.

- ❖ **Thương mại dịch vụ**

**Siêu thị, trung tâm thương mại**

Hiện tại DABACO đang sở hữu sáu siêu thị và trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Dưới đây là danh sách các siêu thị và trung tâm thương mại của DABACO:

- Siêu thị DABACO Lý Thái Tổ
- Siêu thị DABACO Gia Bình
- Siêu thị DABACO Nguyễn Cao
- Siêu thị DABACO Lạc Vệ

- Trung tâm thương mại DABACO Quế Võ
- Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn

**Ảnh 3: Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn**



#### Nhà hàng

- Nhà hàng Dabaco tại Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh.
- Nhà hàng Hướng Dương tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh.

#### 6.2. Doanh thu các loại sản phẩm và dịch vụ

**Bảng 11: Cơ cấu doanh thu các loại sản phẩm và dịch vụ năm 2017 – 2018**

Doanh thu	Năm 2017	% doanh thu	Năm 2018	% doanh thu
Sản xuất thức ăn chăn nuôi	2.747.295	46,92%	2.590.630	38,81%
Sản xuất con giống và chăn nuôi và các hoạt động khác	2.246.516	38,37%	3.879.830	58,13%
Kinh doanh bất động sản	861.653	14,72%	203.844	3,05%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.855.464</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.674.304</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2017 và 2018

**Bảng 12: Lợi nhuận sau thuế các loại sản phẩm và dịch vụ năm 2017 – 2018**

Lợi nhuận sau thuế	Năm 2017	% LNST/ doanh thu	Năm 2018	% LNNT/ doanh thu
Sản xuất thức ăn chăn nuôi	162.666	5,92%	148.064	5,72%
Chăn nuôi và các hoạt động khác	-293.906	-13,08%	156.630	4,04%
Kinh doanh bất động sản	331.346	38,45%	55.540	27,25%
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>200.106</b>	<b>3,42%</b>	<b>360.234</b>	<b>5,40%</b>

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2017 và 2018



Năm 2017 là một năm khó khăn đối với DABACO trong lĩnh vực sản xuất con giống và chăn nuôi. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tình trạng dư thừa cung khiến giá heo xuống mức thấp nhất lịch sử (20.000-28.000 đồng/kg). Điều này cũng ảnh hưởng tới ngành sản xuất, tiêu thụ thức ăn chăn nuôi khiến lợi nhuận của ngành này giảm so với năm 2016. Năm 2018, ngành chăn nuôi được phục hồi và phát triển trở lại mang lại khoản lợi nhuận hơn 156 tỷ đồng cho Công ty.

Mảng kinh doanh bất động sản hoạt động tương đối khả quan trong năm 2017 và là nguồn thu bổ sung cho doanh nghiệp khi hai mảng chăn nuôi hoạt động gặp khó khăn. Tuy nhiên, năm 2018 mảng kinh doanh bất động sản, khách sạn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu (3%) do Công ty tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính để hoàn thiện mô hình 3F.

Trong cơ cấu doanh thu của Dabaco, doanh thu từ hoạt động sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi cùng với hoạt động sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu thuần năm 2018 (lần lượt 39% và 58%). Trong khi đó hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp năm 2018 chỉ chiếm 3% trong cơ cấu doanh thu thuần.

**Bảng 13: Doanh thu, lợi nhuận gộp và Lợi nhuận sau thuế của DBC năm 2017-2018 và Quý I 2019**

Diễn giải	Năm 2017 (Triệu VND)	% +/- năm 2017 so với 2016	Năm 2018 (Triệu VND)	% +/- năm 2018 so với 2017	Q1 năm 2019 (Triệu VND)
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.855.465	94%	6.674.305	114%	1.691.070
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	763.474	94%	1.078.724	141%	228.274
Lợi nhuận sau thuế	200.105	44%	360.235	180%	20.056

*Nguồn: BCTC hợp nhất của DABACO năm 2017, 2018 và Quý I năm 2019*

Năm 2018 với sự tăng trưởng trở lại của các doanh nghiệp chăn nuôi, Công ty đã ghi nhận doanh thu đạt 6.674 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 360 tỷ đồng, tăng 80% so với năm 2017.

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### 6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

##### ❖ Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi

Nguồn nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động này được phân thành 2 loại:

- Nguyên liệu chính được Công ty sử dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi bao gồm các nguyên liệu có khối lượng lớn như: khô đậu, ngô, cám mỳ viên, cám gạo, sắn, đậu tương... Các nguyên liệu này một phần được nhập trong nước và một phần được nhập từ nước ngoài và phần lớn được mua từ trong nước

- Công ty đã chủ động tạo lập được vùng nguyên liệu tại tỉnh Hòa Bình. - Nguyên liệu phụ (còn được gọi là nguyên liệu bổ sung) được trộn vào thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung các chất dinh dưỡng, vitamin, khoáng chất hoặc tạo màu, tạo mùi...

❖ **Lĩnh vực chăn nuôi**

- Lợn giống: các giống Duroc, Piteran, Landat, Yorkshire được nhập khẩu từ Canada, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Mỹ...
- Gà giống: gà Hubbard được nhập khẩu từ Cộng hòa Pháp và một số giống gà độc quyền có được từ kết quả nghiên cứu, lai tạo của DABACO gồm: Gà Ji-DABACO, Gà Sơn Tinh (gà 9 cựa) có giá trị cao cả về mặt tinh thần và hiệu quả kinh tế.
- Chăn nuôi gia công: Ngoài nguồn con giống tự cung của trại gia công, công ty nhập con giống từ các trại giống nội bộ của Công ty. Nguồn thức ăn cũng được nhập toàn bộ từ hệ thống nhà máy thức ăn chăn nuôi của Công ty. Thuốc thú y và các nguyên liệu khác được nhập chủ yếu từ các đơn vị cung cấp trong nước.
- Chế biến thực phẩm: nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy chế biến thực phẩm được lấy từ chính đầu ra của lĩnh vực chăn nuôi theo dây chuyền khép kín.

❖ **Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn**

- Kinh doanh bất động sản: hiện nay Công ty đang đầu tư xây dựng Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở DABACO Lạc Vệ tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với diện tích mặt đất sử dụng khoảng 62.965,5 m<sup>2</sup>. Công ty thực hiện thuê ngoài các nhà thầu xây dựng, thiết kế trong nước để thực hiện dự án bất động sản này. Ban lãnh đạo Công ty chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn đất sạch tại tỉnh Bắc Ninh để tạo nguồn quỹ đất kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn: Thực phẩm và các nguyên liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh khách sạn được nhập chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước

❖ **Lĩnh vực kinh doanh khác: sản xuất bao bì, thương mại dịch vụ, nhà hàng**

- Sản xuất bao bì: nguyên liệu sản xuất bao bì là hạt nhựa được nhập từ các nhà cung cấp trong nước
- Thương mại, dịch vụ: Hầu hết các hàng hóa được nhập từ các nhà cung cấp nội địa. Mạng thương mại, dịch vụ nhập trứng gà từ công ty nội bộ cùng tập đoàn.

**6.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung nguyên vật liệu**

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hình thành được một hệ thống kênh cung cấp nguyên liệu với nhiều nguồn cung cấp ổn định. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì mối quan hệ kinh doanh với nhiều đối tác lớn cả ở trong nước và nước ngoài. Đây là những đối tác đã có quan hệ thương mại lâu năm với Công ty, trong đó một số đã trở thành cổ đông của Công ty. Chính nhờ những mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ này mà Công ty có thể chủ động hơn về nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, qua đó Công ty có thể xây dựng được các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính dài hạn.

**6.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguyên vật liệu của Công ty bao gồm các ngô, đỗ tương, cám mỳ, rỉ đường, vắc xin và thuốc thú y, con giống lợn và con giống gà... Các nguyên liệu chủ yếu được nhập từ nước ngoài ở khu vực Nam Mỹ, Bắc Mỹ và Châu Âu. Nguyên vật liệu của Công ty được cung cấp rộng rãi trên thị trường quốc tế nên nguồn cung tương đối ổn định. Các nhà cung cấp chính của công ty đều là những đơn vị có uy tín trên thị trường và có thời gian giao hàng phù hợp với chính sách quản lý hàng tồn kho của Công ty.

Các chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm của Công ty nên sự biến động của các yếu tố này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế sự biến động của giá cả các chi phí đầu vào, Công ty hướng đến việc tìm kiếm và ký kết các hợp đồng với số lượng lớn với các nhà cung cấp lớn và uy tín nhằm có được mức giá tốt, tạo các mối quan hệ bền vững và lâu dài.

Đối với các yếu tố đầu vào là các loại dịch vụ mua ngoài như chi phí vệ sinh, kỹ thuật, bảo vệ và các chi phí tiện ích (điện, nước), sự biến động (nếu có) của các yếu tố này chỉ có tác động nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty do các yếu tố này chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu giá thành, chi phí.

**Bảng 14: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho công ty**

TT	Tên nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm cung cấp chính
1	Mills Bros International	Mỹ	Đậu tương
2	Shield Agri Group Pty Ltd	Úc	Bột thịt xương
3	CJ International Asia Pte Ltd	Hàn Quốc	DDGS
4	Inner Mongolia Eppen Biotech Co.,Ltd	Trung Quốc	Lysine
5	Sumitomo Chemical Asia Pte Ltd	Nhật Bản	Methionine

#### 6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí thông qua việc kiểm soát quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất của Công ty được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng các khâu công việc ngay từ ban đầu để ngăn ngừa phát sinh các sai sót, hư hỏng. Hàng tháng, bộ phận kế toán của Công ty lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất và báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau.

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần cung cấp hàng hoá và dịch vụ trong 3 năm từ 2016 – 2018 được trình bày ở bảng dưới đây:

**Bảng 15: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất từ 2017-2018**

*Đơn vị: Triệu VND*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	5.091.990	87,0%	5.595.581	83,8%
2	Chi phí lãi vay	119.958	2,0%	188.946	2,8%

3	Chi phí bán hàng	210.292	3,6%	258.384	3,9%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	224.532	3,8%	281.328	4,2%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.646.772</b>	<b>96,4%</b>	<b>6.324.239</b>	<b>94,8%</b>

*Nguồn: BCTCKT năm 2017 và 2018*

### 6.5. Trình độ công nghệ

Trong những năm qua, Công ty đã tập trung đầu tư nâng cao trình độ công nghệ sản xuất. Hiện tại, Công ty đang sử dụng một số dây chuyền chế biến thức ăn chăn nuôi hiện đại trong cả hai lĩnh vực sản xuất chủ yếu của Công ty là: Chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy cầm; và Chế biến thức ăn cho thủy sản; sản xuất con giống, chăn nuôi và chế biến thực phẩm.

**Ảnh 4: Nhà máy sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi**



Từ nhiều năm trở lại đây, Dabaco đã bắt tay vào việc trở thành nhà cung ứng thực phẩm an toàn theo quy trình khép kín với khái niệm 3F. Khái niệm 3F là viết tắt của Feed - Farm - Food, tức là quy trình sản xuất thực phẩm an toàn phải bắt đầu từ thức ăn chăn nuôi, tới quá trình nuôi ở các trang trại và đến khâu chế biến thực phẩm. Thuật ngữ 3F được hình thành từ khái niệm “farm to fork” hay “từ trang trại đến bàn ăn” mà thế giới và Việt Nam chúng ta đã quen dùng. Nhìn tổng thể, khái niệm 3F chứa đựng ba nội dung quan trọng là: Cân đối cung cầu của chuỗi giá trị feed-farm-food trong chiến lược an ninh lương thực; hiệu quả của chuỗi giá trị sản xuất thực phẩm thông qua hệ thống feed-farm-food; và kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm thông qua chuỗi feed-farm-food.

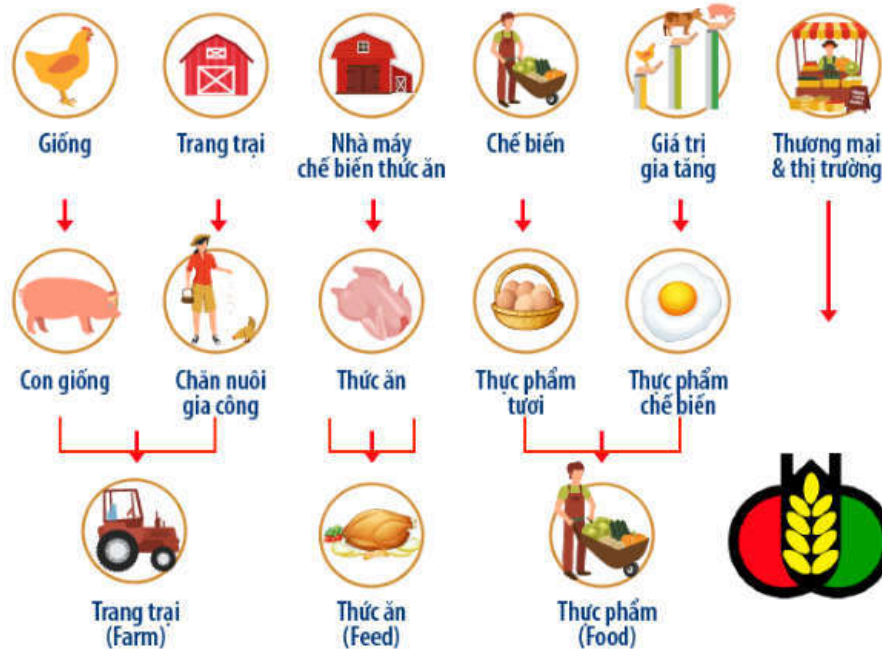
Bất cứ thứ gì được đưa vào trong thức ăn chăn nuôi, đều sẽ còn trong cơ thể vật nuôi. Vì thế, để đảm bảo thực phẩm có nguồn gốc động vật được an toàn, sạch, không tồn dư các chất độc hại, thì ngay từ khâu sản xuất thức ăn chăn nuôi phải đảm bảo nguyên tắc an toàn, không tồn dư chất độc hại. Để làm được điều này, Tập đoàn Dabaco đã xây dựng Nhà máy sản xuất Thức ăn chăn nuôi ở Bắc Ninh như: Topfeeds, Nutreco với công nghệ mới nhất hiện nay.

#### 6.5.1. Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy cầm

##### a. Quy trình chuỗi cung ứng

Dabaco hiện sở hữu 6 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi có tổng công suất thiết kế 1.000.000 tấn/năm, chiếm 60% doanh thu của Tập đoàn. Các nhà máy sản xuất phụ trợ có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường như nhà máy sản xuất bao bì nhựa PP và PE, hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị hiện đại...

**Ảnh 5: Chuỗi cung ứng khép kín**



### b. Dây chuyền công nghệ

Dây chuyền giết mổ gà có công suất 2.000 con/giờ, xưởng giết mổ lợn cung cấp sản phẩm thịt gà, thịt lợn sạch ra thị trường. Dây chuyền chế biến thực phẩm với các trang thiết bị chính nhập khẩu từ Đức, công suất 12.000 tấn/năm, sản xuất các sản phẩm chế biến từ thịt như xúc xích, dăm bông, chân giò hun khói, đồ hộp... Trong lĩnh vực sản xuất trứng, dây chuyền của doanh nghiệp này hiện có quy mô lớn, khép kín và hoàn toàn tự động với 600.000 con gà đẻ trứng, sản lượng xấp xỉ 200 triệu quả/năm, điều đặc biệt nó còn được đầu tư gia tăng thêm một dây chuyền xử lý trứng tự động bằng tia cực tím của hãng Moba Hà Lan công suất 60.000 quả/giờ và máy tách lòng đỏ và lòng trắng trứng gà phục vụ cho các Nhà máy bánh kẹo, thực phẩm.

**Ảnh 6: Dây chuyền xử lý trứng tự động**



Nhà máy chế biến TĂCN cao cấp Topfeeds của Dabaco được khởi công xây dựng năm 2001 có dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗn hợp công suất 30 tấn/giờ; dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi đậm đặc công suất 5 tấn/h và mới đây nhất là dây chuyền sản xuất premix (sản xuất các chất phụ gia, vi lượng bổ sung thành phần cho thức ăn chăn nuôi). Các dây chuyền thiết bị đều hoàn toàn tự



động, được nhập khẩu từ các nước có nền sản xuất thức ăn chăn nuôi phát triển như Mỹ, EU, Đài Loan... với kinh phí lên tới hàng trăm tỷ đồng.

Phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ các loại máy móc hiện đại nhất hiện nay như: máy chiết xơ, chiết mỡ của Ý; máy cắt đạm của Thụy Điển; máy đo độ ẩm hạt nhanh của Nhật, Mỹ; kính lúp của Nga; máy nghiền của Đức; hệ thống thiết bị phân tích thức ăn và nguyên liệu thức ăn bằng tia hồng ngoại gần của Thụy Điển... phân tích các chỉ tiêu như độ đạm, đạm thực, can xi, phot pho, xơ, béo, muối NaCl, độ ẩm, cát sạn... đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 645. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được đào tạo từ các cơ sở đào tạo có uy tín và thường xuyên được cử tham gia các lớp đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã giúp Công ty ổn định về sản lượng, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm. Do vậy, các sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Nhà máy TOPFEEDS sẽ giúp các nhà chăn nuôi yên tâm tin dùng với hiệu quả kinh tế cao nhất.

#### **6.5.2. Công nghệ chế biến thực phẩm**

Song song với việc cung cấp ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao, nguồn trứng tươi của Dabaco cũng được lựa chọn làm nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm bánh kẹo Hữu Nghị, thực phẩm Kinh Đô, bánh kẹo Orio bằng việc sử dụng trứng gà tươi Dabaco làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm mới. Công ty còn đầu tư một nhà máy sản xuất dầu ăn tại huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Mỗi năm Nhà máy sản xuất ra 220.000 tấn khô đậu, 45 triệu lít dầu và 1.000 tấn Lecithin. Toàn bộ dây chuyền công nghệ và thiết bị của nhà máy ép dầu thực vật đều có xuất xứ châu Âu và được nhập khẩu đồng bộ Desmet. Bên cạnh đó, Dabaco còn đầu tư hệ thống silo chứa nguyên liệu gồm 6 chiếc với công suất 5.000 tấn/silo, chứa thường xuyên được 30.000 tấn nguyên liệu cùng với Cảng bốc xếp hàng hóa Dabaco Tân Chi, giúp cho việc vận chuyển hàng từ Cảng về Nhà máy được thuận tiện, giảm tiêu hao và đảm bảo chất lượng nguyên liệu, kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất của nhà máy. Điều đặc biệt đây là dây chuyền sản xuất khép kín và tự động hóa gồm tất cả các công đoạn: ép, chích ly, tinh luyện, chế biến, đóng chai và sử dụng trung hòa axit bằng công nghệ NANO, giúp tối ưu hóa giá trị sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

#### **6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Dabaco cũng nổi tiếng trên thị trường khi sở hữu nhiều giống lợn, gà có năng suất và chất lượng cao. Các loại lợn giống gốc như Duroc, Pietrian, Landrace, Yorkshire đều được công ty nhập khẩu trực tiếp từ Canada, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Mỹ, Đài Loan... về để nhân đàn và lai tạo ra những giống lợn mới tích hợp các đặc tính ưu việt của một số giống lợn ngoại cho năng suất, chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và hàng năm công ty đều nhập mới để làm tươi máu đàn giống gốc. Các giống gà màu quý hiếm được công ty lai tạo trên cơ sở nguồn gen của các giống gà bản địa như gà Nòi, gà Mía, gà đẻ trứng xanh, gà Tân Hồ..., bên cạnh việc nuôi giữ, bảo tồn và nhân thuần các loại gà giống gốc có nguồn gen quý hiếm và có nguy cơ thất truyền. Các giống gà bố mẹ và gà thương phẩm có giá trị cao do công ty nghiên cứu, lai tạo thành công hiện được người tiêu dùng ưa thích như gà J-Dabaco, gà 9 cửa, bộ 3 gà Nòi, gà Tân Hồ, gà đẻ trứng xanh; gà thảo dược... hiện đã có mặt trên tất cả các tỉnh thành cả nước.

#### **Ảnh 7: Bộ 4 dòng sản phẩm trứng gà cao cấp và trứng ăn liền Devi**



Trước đó, bộ 4 sản phẩm trứng gà cao cấp của Dabaco gồm Omega 3, trứng gà DHA, trứng gà Selen và trứng gà vỏ xanh Dabaco đã “phủ sóng” hầu khắp chuỗi các siêu thị, cửa hàng tiện ích như VinMart, Big C, Kmart, Fivimart, Dabaco Mart.... Bộ sản phẩm giàu dinh dưỡng này ngày càng được nhiều gia đình và người nội trợ lựa chọn bởi những giá trị gia tăng đặc biệt có tác dụng tốt đến sức khỏe. Trong đó với dòng trứng gà vỏ xanh đặc biệt chỉ Dabaco mới sản xuất được tại thị trường Việt Nam và được ví như “trứng gà nhân sâm” bởi độ quý hiếm và giàu dinh dưỡng, nhưng ít cholesterol, phù hợp ngay cả với những bệnh nhân và người ăn kiêng.

Để sản phẩm trở nên quen thuộc trong bữa ăn của mỗi gia đình, Dabaco đã cho thấy quá trình đầu tư nghiên cứu nghiêm túc, từ đó tạo nên giá trị vượt trội và khác biệt cho sản phẩm, theo đó, năm 2018 công ty đã hoàn thành và đưa vào hoạt động Dây chuyền chế biến trứng gia cầm công suất 40.000 quả/giờ với thương hiệu DEVI, đảm bảo tiện lợi, giàu dinh dưỡng và đa dạng sự lựa chọn cho người tiêu dùng.

**Ảnh 8: Nhà máy ép dầu thực vật**



Ngày 17/05/2019, Dabaco tổ chức Lễ khánh thành Nhà máy ép dầu thực vật tại Cụm công nghiệp Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Đây là Nhà máy đầu tiên tại Việt Nam vừa ép dầu thô, vừa tinh luyện dầu ăn. Mỗi năm Nhà máy sản xuất ra khoảng 220.000 tấn khô đậu nành, cung ứng ra thị trường khoảng 45 triệu lít dầu ăn các loại và 1.000 tấn Lecithin tinh chiết từ đậu nành, khô đậu nành và đậu

nành lên men là nguồn nguyên liệu tươi, sạch, an toàn, đảm bảo chất lượng cho Nhà máy thức ăn chăn nuôi, giúp Tập đoàn giảm nhập khẩu từ nước ngoài, từng bước chủ động về nguồn nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Toàn bộ dây chuyền công nghệ và thiết bị của Nhà máy ép dầu thực vật đều có xuất xứ Châu Âu và được nhập khẩu đồng bộ của Desmet.

## **6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ**

### **6.7.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000, HACCP, tiêu chuẩn GMP, Hala và chương trình thực hành tốt 5S tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

### **6.7.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm được Dabaco ủy quyền cho Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn quốc gia VILAS 645 (ISO/IEC 17025:2005), nhằm tạo ra những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

### **6.7.3. Vấn đề an toàn vệ sinh**

An toàn vệ sinh đối với các sản phẩm là vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm. Việc đảm bảo an toàn vệ sinh được Công ty thực hiện liên tục và chặt chẽ từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào, các khâu sản xuất và cho đến khâu bán hàng:

- Đối với nguyên liệu: Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu nhập từ những nhà cung cấp có tên tuổi, uy tín. Tất cả các nguyên liệu đưa vào sản xuất đều được kiểm tra chất lượng. Nguyên liệu kém chất lượng, đặc biệt nguyên liệu bị ẩm mốc có thể chứa aflatoxin hoặc chứa các chất kích thích sinh trưởng đều tuyệt đối không được Công ty sử dụng.

- Trong quá trình sản xuất: Các khâu trong quá trình sản xuất đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ ở từng công đoạn thực hiện. Hệ thống kiểm tra nguyên liệu được áp dụng để tạo ra mối liên kết giữa các khâu trong quá trình đồng thời phòng tránh nhầm lẫn nguyên liệu sản xuất. Ngoài ra, các quy định về vệ sinh trong quá trình sản xuất cũng được Công ty đặt ra. Công nhân tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được trang bị những kiến thức về vệ sinh an toàn. Dụng cụ sản xuất được làm vệ sinh thường xuyên và định kỳ theo chế độ riêng cho từng bộ phận trên dây chuyền sản xuất.

- Đối với thành phẩm: Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi được đóng gói trong bao bì kín để đảm bảo vệ sinh. Đối với các sản phẩm gia súc, gia cầm, Công ty không sử dụng các chất kích thích sinh trưởng. Trong quá trình phân phối sản phẩm, Công ty tổ chức hướng dẫn nhân viên bán hàng và các nhà phân phối phương pháp bảo quản sản phẩm theo đúng yêu cầu của từng loại sản phẩm để tránh tình trạng sản phẩm bị hư hỏng trước hạn sử dụng.

## **6.8. Hoạt động Marketing**

### **6.8.1. Hoạt động nghiên cứu thị trường**



Công tác nghiên cứu thị trường luôn được Công ty coi trọng vì đây là khâu nối liền giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Công ty đã triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể là:

- Tiến hành thu thập ý kiến khách hàng trong quá trình cung cấp sản phẩm để có được những thông tin phản hồi về sản phẩm. Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành cải tiến sản phẩm hay nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.
- Đánh giá chất lượng cung ứng sản phẩm (số lượng, năng lực tài chính, địa điểm kinh doanh...) của các nhà phân phối để từ đó Công ty có những biện pháp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Đối với các vùng có tập quán canh tác lạc hậu, Công ty kết hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người nông dân theo mô hình 4 nhà: Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp và Nhà nông. Cho đến nay, Công ty đã tổ chức chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi cho hàng chục ngàn lượt bà con nông dân các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Các hoạt động này đã giúp người nông dân có được những kiến thức và kỹ thuật mới và đồng thời qua đó cũng góp phần tích cực vào việc khẳng định thương hiệu của Công ty trên thị trường.



#### **6.8.2. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị và quan hệ cộng đồng**

Công ty sử dụng các kênh tiếp thị chính qua các chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích như VinMart, Big C, Kmart, Fivimart, Dabaco Mart có mặt ở hầu hết toàn quốc. Với chiến lược đầu tư, phát triển hợp lý trong những năm qua, sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty luôn nằm trong danh sách các sản phẩm thức ăn chăn nuôi đứng đầu của Việt Nam, cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu sản phẩm của các doanh nghiệp nước ngoài (CP, PROCONCO...).

#### **6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Hiện tại, Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 23 nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của Công ty theo bảng dưới đây.





**Bảng 16: Các nhãn hiệu đăng kí bảo hộ thương hiệu của DABACO**

<p>Nhãn hiệu thức ăn chăn nuôi thương hiệu DABACO theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 44572 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 23/12/2002</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 46574 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 07/5/2003.</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi KHANG TIVINA theo Giấy chứng</p>	



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM








<p>nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 47420 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 12/06/2003.</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi cao cấp NASACO theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 80809 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 09/04/2007.</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi thương hiệu GROW FEED theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 143815 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 23/03/2010.</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi thương hiệu Kinh Bắc theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 147974 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 22/06/2010.</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi thương hiệu Nutreco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 186281 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 13/06/2012.</p>	
<p>Nhãn hiệu Thức ăn chăn nuôi thương hiệu Sunshine theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 243832 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 20/04/2015.</p>	



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM









<p>Nhãn hiệu Gà J Dabaco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 231812 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 22/09/2014.</p>	
<p>Nhãn hiệu Gà 9 cửa Dabaco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 252856 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 13/10/2015.</p>	
<p>Nhãn hiệu Gà Nòi chân vàng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 260128 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 21/03/2016.</p>	
<p>Nhãn hiệu Gà Hồ Kinh Bắc theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 298985 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 02/05/2018.</p>	
<p>Nhãn hiệu DBC FOOD theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 257675 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 02/02/2016.</p>	



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



<p>Nhãn hiệu DBC FOOD theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 257676 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 02/02/2016.</p>	
<p>Nhãn hiệu DABACO GROUP theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 284618 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 17/07/2017.</p>	
<p>Nhãn hiệu DABACO GROUP theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 285150 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 26/07/2017.</p>	
<p>Nhãn hiệu Trứng gà Selen Dabaco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 315643 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 14/03/2019.</p>	
<p>Nhãn hiệu Trứng gà DHA Dabaco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 317383 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 04/04/2019.</p>	
<p>Nhãn hiệu Trứng gà Dabaco dinh dưỡng vàng cho sức khỏe theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 315640 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 14/03/2019.</p>	



Nhãn hiệu Trứng gà vỏ xanh Dabaco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 315642 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 14/03/2019.	
Nhãn hiệu Trứng gà Omega3 Dabaco theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 315641 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 14/03/2019.	
Nhãn hiệu dầu ăn Cobra theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 307300 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 29/10/2018.	
Nhãn hiệu dầu ăn Umi theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 307299 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 29/10/2018.	

**6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

**Bảng 17: Danh sách các hợp đồng ký kết và thực hiện năm 2017-2019**

STT	Ngày kí hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị hợp đồng
1	27/12/2017	CJ	4.000 tấn Khô đỗ	1.669.320 USD
2	20/06/2018	Crossland	8.000 tấn Khô đỗ	3.334.400 USD
3	17/09/2018	Enerfo	15.000 tấn Ngô	3.020.250 USD
4	20/09/2018	Cargill	20.000 tấn Ngô	3.950.000 USD
5	31/10/2018	Bunge Agribusiness Singapore Pte Ltd	20.000 tấn Ngô	3.960.000 USD
6	14/12/2018	Cargill	4.000 tấn Khô đỗ	1.525.600 USD

7	23/01/2019	Peter Cremer	10.000 tấn Đỗ tương Canada	3.860.000 USD
8	01/02/2019	Enerfo	20.000 tấn Ngô	4.147.600 USD
9	10/04/2019	LDC	15.000 tấn Ngô	2.775.000 USD

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 – Quý I năm 2019

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty:

**Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2017 – Quý I năm 2019**

Chỉ tiêu	Năm 2017 (Triệu VND)	Năm 2018 (Triệu VND)	% tăng giảm 2018 so với 2017	Quý I năm 2019 (Triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	6.399.206	7.398.488	15,6%	7.713.400
Vốn chủ sở hữu	2.625.922	2.678.035	2,0%	2.708.900
Doanh thu thuần	6.079.180	5.638.158	-7,3%	1.595.126
Lợi nhuận khác	51.115	74	-99,9%	69
Lợi nhuận trước thuế	525.302	191.930	-63,5%	36.334
Lợi nhuận sau thuế	456.634	168.436	-63,1%	30.864
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	10%	15%	5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	18,9%	6,4%	-11,6%	1,1%

*Nguồn: BCTCKT năm 2017, 2018 và BCTC Quý I năm 2019*

Đối với kết quả kinh doanh Công ty mẹ: Trong năm 2017 và 2018, doanh thu thuần của Công ty lần lượt đạt 6.079 tỷ đồng và 5.638 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế các năm đạt lần lượt 456 tỷ và 168 tỷ đồng. Nguyên nhân của việc giảm doanh thu và lợi nhuận trên đến từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và kinh doanh bất động sản. Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi và bất động sản của Công ty đạt kết quả tốt. Trong khi mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi không có bước tăng trưởng thì mảng kinh doanh bất động sản chỉ mang lại doanh thu và lợi nhuận ở mức khiêm tốn. Các chỉ tiêu về vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục tăng trưởng theo các năm đến từ việc Dabaco đã đầu tư mới các



dự án chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi.

**- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:**

**Bảng 19: Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 2017 – Quý I năm 2019**

Chỉ tiêu	Năm 2017 (Triệu VND)	Năm 2018 (Triệu VND)	% tăng giảm 2018 so với 2017	Quý I năm 2019 (Triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	6.989.216	8.350.013	19,5%	8.687.834
Vốn chủ sở hữu	2.502.616	2.746.528	9,7%	2.766.584
Doanh thu thuần	5.855.465	6.674.305	14%	1.691.070
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	763.474	1.078.724	41,3%	23.109
Lợi nhuận khác	3.187	6.210	94,9%	4.937
Lợi nhuận trước thuế	278.800	393.359	41,1%	28.046
Lợi nhuận sau thuế	200.105	360.235	80,0%	20.056
Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	10%	15%	5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	8,2%	13,7%	5,5%	0,7%

*Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2017, 2018 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2019*

Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất: Trong năm 2017, doanh thu thuần của Công ty đạt 5.855 tỷ đồng giảm 6,4% so với năm 2016. Tính đến năm 2018, doanh thu thuần tăng 14% trở lại đạt 6.674 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 360.235 tỷ đồng tăng khoảng 80% so với năm 2017. Nguyên nhân của sự tăng trưởng trở lại ở lợi nhuận đến từ việc giá lợn hơi trên thị trường gia tăng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi. Vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục tăng trưởng theo các năm đến từ việc Dabaco đã mở rộng các nhà máy sản xuất nâng cao năng suất ở hàng loạt các tỉnh bắc bộ, Công ty đã khai thác thành công tiềm năng thị trường. Ngoài ra, các dự án cũng được đẩy mạnh tiến độ trong năm 2018 để kịp hoạt động, điển hình là dự án Nhà máy ép dầu thực vật, cùng với các Công ty TNHH Dabaco ở các tỉnh lân cận như Hà Nam, Tuyên Quang, Hải Phòng. Bên cạnh đó, lợi nhuận gia tăng cũng đến từ doanh thu của bán hàng và cung cấp dịch vụ. So với các Công ty khác cùng ngành, Dabaco có lợi thế lớn ở các siêu thị, trung tâm thương mại để kịp phân phối và tiêu thụ sản phẩm nhanh chóng.

## **7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

### **❖ Lĩnh vực chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi**

- Thuận lợi: Trong giai đoạn vừa qua, Dabaco liên tục mở rộng và phát triển Nhà máy thức ăn chăn nuôi và hệ thống trại giống, trại lợn thịt ở khu vực miền Bắc. Nhìn chung, Dabaco sở hữu một vị thế đáng kể trên thị trường sản xuất và cung cấp thức ăn chăn nuôi. Mô hình 3F vận hành hiệu quả sẽ giúp Công ty giảm thiểu được những rủi ro từ thị trường bên ngoài. Ngoài ra, thị trường các sản phẩm chăn nuôi tiếp tục diễn biến thuận lợi sẽ là một tín hiệu tốt cho việc mở rộng thị trường của Dabaco.
- Khó khăn: Dịch bệnh vẫn là nỗi lo lớn với ngành chăn nuôi, giá thực phẩm đặc biệt là giá thịt lợn biến động thất thường trong những năm qua sẽ tạo ra những khó khăn không hề nhỏ với Công ty. Chỉ tính riêng dịch tả lợn châu Phi mới xuất hiện tại 9 tỉnh phía bắc vào giữa tháng 2/2018 đến đầu tháng 3/2018 đã buộc Cục thú y phải tiêu hủy hơn 6.400 con lợn cũng đủ thấy sức tàn phá ghê gớm mỗi khi dịch bệnh xuất hiện. Tính đến ngày 27/06/2019, cả nước đã có 61 tỉnh thành xuất hiện dịch tả heo châu Phi. Với việc dịch tả tăng mạnh như hiện nay, Dabaco gặp khá nhiều khó khăn trong việc phân phối và luân chuyển lợn giống giữa các trang trại và phát sinh nhiều chi phí hơn. Tuy nhiên ban lãnh đạo Công ty đánh giá khó khăn trước mắt này sẽ là 1 cơ hội phát triển của doanh nghiệp trong thời gian tới; nguyên nhân là do các trang trại lợn của Dabaco hoạt động trong mô hình khép kín, đảm bảo hạn chế rủi ro xảy ra dịch bệnh đến mức tối đa. Ngoài ra mặc dù dịch bệnh có chiều hướng lan rộng trong cả nước, giá thịt lợn không có dấu hiệu bị ảnh hưởng và giảm nhiều trong thời gian qua.

### **❖ Lĩnh vực khác: sản xuất bao bì, thương mại dịch vụ**

- Thuận lợi: Hoạt động sản xuất bao bì thuận lợi dựa vào mối quan hệ bền vững với đối tác và khách hàng. Sở hữu hệ thống các Siêu thị và Trung tâm thương mại ở Bắc Ninh sẽ tạo lợi thế cạnh tranh theo quy mô cho Công ty. Bên cạnh đó, việc tiêu thụ và cung ứng các sản phẩm sẽ thuận tiện hơn nhiều.
- Khó khăn: Dabaco hiện đang chỉ vận hành các hoạt động kinh doanh trên ở địa bàn tỉnh Bắc Ninh và chưa có ý định mở rộng lĩnh vực này ra các tỉnh thành khác.

### **❖ Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn**

- Thuận lợi: Công ty sở hữu hệ thống các dự án Cụm công nghiệp, dịch vụ làng nghề, khu đô thị cao cấp rất đa dạng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, Công ty cũng được UBND tỉnh hỗ trợ cho các khoản vay trong các dự án của mình.
- Khó khăn: Nhu cầu thị trường có hướng thay đổi cùng với dấu hiệu thị trường chững lại ở một số phân khúc sản phẩm sẽ ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh này của Công ty.

## **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong cùng ngành**

#### **❖ Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi**

Dabaco là một trong những doanh nghiệp Việt Nam hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi. Công ty đang sở hữu sáu Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi có tổng công suất thiết kế hơn 1.000.000 tấn/năm. Năm 2018, công suất sản xuất của Dabaco ước tính chiếm khoảng 4%-5% thị trường sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước. Các nhà máy của Dabaco được phân bố ở các tỉnh khu vực phía bắc như Bắc Ninh, Hà Nam.





Công ty sản xuất và phân phối đa dạng các dòng sản phẩm thức ăn chăn nuôi cho lợn, cho gà, cho thủy hải sản và một số loại gia cầm khác. Công ty có đội ngũ kỹ thuật viên và trang thiết bị đầy đủ để nghiên cứu, đưa ra các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao hơn tới người tiêu dùng.

Hệ thống phân phối sản phẩm cũng là một điểm mạnh của Dabaco. Hiện nay, Công ty đang sở hữu hệ thống phân phối toàn quốc với khoảng 2.000 đại lý cấp một. Các khu vực tập trung nhiều đại lý nhất là khu Đông Bắc Bộ, Tây Bắc Bộ, Đồng Bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Hệ thống phân phối mạnh giúp cho hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Công ty diễn ra thuận lợi hơn.

#### ❖ **Lĩnh vực chăn nuôi**

Thương hiệu lợn giống, gà giống Dabaco có tính nhận diện cao trên thị trường khi cung cấp các sản phẩm có năng suất và chất lượng cao. Hiện công ty đang đứng đầu cả nước về quy mô đàn nái với khoảng 40.000 con. Trong đó, Công ty sở hữu trại lợn giống hạt nhân qui mô lớn bậc nhất cả nước với 5.000 con nái. Các loại lợn giống gốc như Duroc, Pietrian, Landrace, Yorkshire đều được công ty nhập khẩu trực tiếp từ Canada, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Mỹ, Đài Loan về để nhân đàn và lai tạo ra những giống lợn mới tích hợp các đặc tính ưu việt của một số giống lợn ngoại cho năng suất, chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Hàng năm, Công ty đều nhập mới một lượng con giống để làm tươi máu đàn giống gốc.

Dabaco cũng là một trong các doanh nghiệp sản xuất gà giống trên quy mô lớn. Trong năm 2018, Công ty sản xuất trên 22 triệu con gà giống trên tổng công suất thiết kế 38 triệu đơn vị sản lượng. Các giống gà màu quý hiếm được công ty lai tạo trên cơ sở nguồn gen của các giống gà bản địa như gà Nòi, gà Mía, gà đẻ trứng xanh, gà Tân Hồ. Bên cạnh việc nuôi giữ, bảo tồn và nhân thuần các loại gà giống gốc có nguồn gen quý hiếm và có nguy cơ thất truyền. Các giống gà bố mẹ và gà thương phẩm có giá trị cao do công ty nghiên cứu, lai tạo thành công hiện được người tiêu dùng ưa thích như gà J-Dabaco, gà 9 cựa, bộ 3 gà Nòi, gà Tân Hồ, gà đẻ trứng xanh; gà thảo dược... hiện đã có mặt trên tất cả các tỉnh thành cả nước.

Trong lĩnh vực sản xuất trứng, đây chuyên của doanh nghiệp này hiện có quy mô lớn, khép kín và hoàn toàn tự động với 600.000 con gà đẻ trứng, sản lượng 130 triệu quả/năm. Để gia tăng giá trị sản phẩm trứng, Công ty đã đầu tư và đưa vào vận hành hệ thống sản xuất trứng gà ăn liền Devi đầu tiên tại Việt Nam.

#### ❖ **Lĩnh vực khác: sản xuất bao bì, thương mại dịch vụ**

Các hoạt động sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ của Công ty được tổ chức vận hành tại tỉnh Bắc Ninh. Ngoài nhiệm vụ cung cấp một số sản xuất cho các đơn vị trong nội bộ, các công ty con trong lĩnh vực sản xuất bao bì, thương mại dịch vụ cũng chiếm một vị thế nhất định trong hành vi người tiêu dùng sở tại.

#### ❖ **Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn**

DABACO hiện tại vẫn duy trì kinh doanh bất động sản, khách sạn như một hoạt động hỗ trợ cho hoạt động chính của Công ty. Khách sạn Le Indochina là khách sạn 5 sao đầu tiên được đưa vào khai thác tại tỉnh Bắc Ninh từ cuối 2017 là dấu mốc đánh dấu sự khởi đầu của Công ty trong lĩnh vực này.

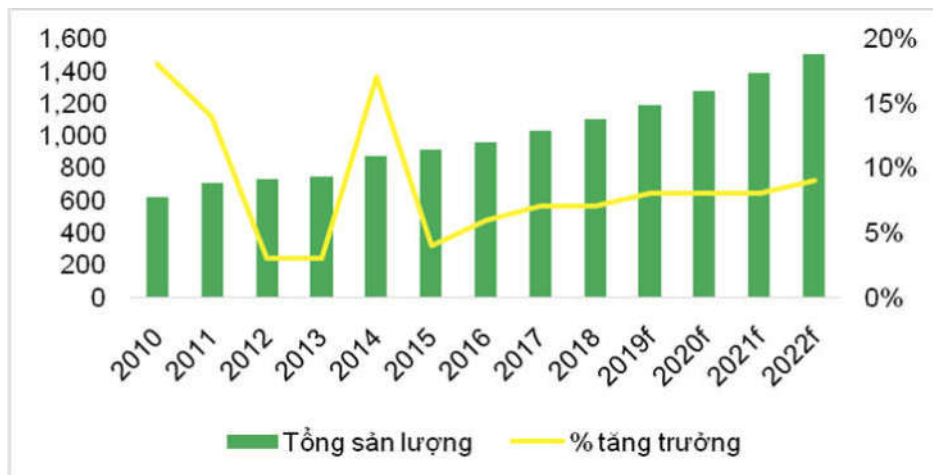
### **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

#### ❖ **Lĩnh vực chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi**

Thị trường tiêu dùng gia cầm, thịt lợn và trứng có những dấu hiệu tăng trưởng trở lại sau những biến động nhất định ở giai đoạn vừa qua. Thị trường chăn nuôi đã thu hút thêm nhiều nhà đầu tư như Masan hay GreenFeed, Vina và Lái Thiêu... Trong thời gian tới, xu hướng của ngành sẽ dịch chuyển theo hướng: Thứ nhất, số lượng trang trại lớn tăng lên. Đến năm 2027, sản lượng thịt lợn trong các trang trại

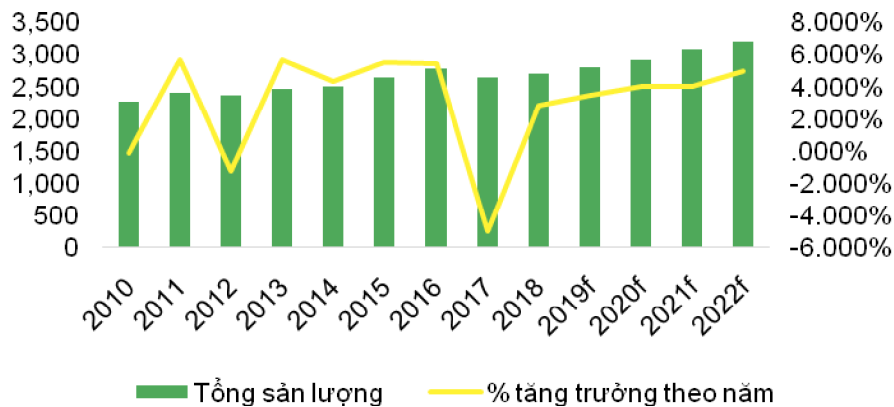
ước tính chiếm tỷ trọng trên 70%; Thứ hai, chăn nuôi quy mô nhỏ giảm mạnh (5 – 7%/ năm) tương đương với sản lượng thịt lợn nuôi trong nông hộ còn dưới 30%; Thứ ba, chăn nuôi và sản xuất các sản phẩm đi kèm sẽ là sự cạnh tranh của doanh nghiệp và những người chăn nuôi chuyên nghiệp. Cùng với đó là những triển vọng, hợp tác liên kết chuỗi phát triển mạnh giữa nhà chăn nuôi, nhà giết mổ và nhà phân phối.

**Biểu đồ 6: Dự báo doanh thu từ gia cầm tại Việt Nam qua các năm (Đơn vị: Nghìn tấn)**



Nguồn: Euromonitor, BMI

**Biểu đồ 7: Dự báo doanh thu từ thịt lợn tại Việt Nam qua các năm (Đơn vị: Nghìn tấn)**



Nguồn: Euromonitor, BMI

Chi phí thức ăn chiếm khoảng 60% chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Sự khởi sắc của ngành chăn nuôi là yếu tố quan trọng giúp nhu cầu thức ăn chăn nuôi có thể tăng trong thời gian tới. Theo dự báo, doanh thu của ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục tăng nhẹ từ năm 2018 cho đến năm 2022. Mức tăng của biên lợi nhuận giao động từ 4.3%-6.8% và lợi nhuận ròng cũng giữ mức tăng đều đặn. Do vậy, sản xuất thức ăn cho chăn nuôi vẫn là một ngành có triển vọng với doanh thu và lợi nhuận kì vọng sẽ gia tăng đều đặn trong các năm tới.

Năng lực sản xuất thức ăn chăn nuôi của doanh nghiệp Việt Nam còn chưa cao, phụ thuộc lớn vào các doanh nghiệp nước ngoài. Trên thị trường thức ăn chăn nuôi, doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 60 – 65% tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi sản xuất ra và vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, trong khi khối doanh nghiệp nội chỉ chiếm khoảng 35 – 40%. Ngoài các doanh nghiệp trong nước lớn như Dabaco, Masan, Greenfeed... các doanh nghiệp tư nhân nhỏ đang chịu áp lực cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp FDI.

❖ **Lĩnh vực sản xuất bao bì, thương mại dịch vụ**

Sản xuất bao bì: Nền kinh tế càng phát triển, việc tiêu dùng sản phẩm càng nhiều thì nhu cầu các sản phẩm bao bì càng lớn. Việc cung cấp sản phẩm ở cả trong và ngoài nước giúp Dabaco không bị giới hạn thị trường tiêu thụ. Với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, nhu cầu các sản phẩm về bao bì được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Thương mại dịch vụ: Dân số tỉnh Bắc Ninh ngày càng tăng chủ yếu do thu hút một lượng lớn lao động cả trong và ngoài nước làm việc tại các khu công nghiệp. Đây là điều kiện tốt để hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng của Dabaco tiếp tục phát triển tốt trong thời gian tới.

❖ **Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn**

Nhu cầu về nhà ở tại Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng do tốc độ đô thị hóa, tăng trưởng thu nhập bình quân trên đầu người và chính sách tiền tệ hỗ trợ cho người mua nhà. Các khu đô thị trẻ như Bắc Ninh là một trong những địa phương có nhu cầu lớn bên cạnh những đô thị lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

**8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Lĩnh vực sản xuất thực phẩm nói chung hiện đang có thị trường tiêu thụ thực phẩm và đồ uống tiềm năng trong khu vực, đóng góp đáng kể cho nền kinh tế đất nước khi vừa đảm bảo phục vụ nhu cầu trong nước và cho hoạt động xuất khẩu. Thu gọn lại trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến thực phẩm, đây là một ngành đặc thù ở nước ta bởi sự đa dạng từ các nhà sản xuất trên thị trường cùng với các công nghệ kỹ sinh đi kèm. Tuy vậy, với các chiến lược đặc thù DABACO vẫn cho thấy một vị trí đứng nhất định trên thị trường khi được so sánh với các công ty sản xuất khác trong cùng một ngành sản xuất thực phẩm tổng quát:

**Bảng 20: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của DABACO với các doanh nghiệp cùng ngành**

				
Tên Công ty	CTCP Tập Đoàn	CTCP Tập Đoàn	CTCP Nông nghiệp Công nghệ	CTCPLương thực



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



	DABACO	MASAN	cao Trung An	Thực phẩm Safaco
Mã cổ phiếu	DBC	MSN	TAR	SAF
Năm thành lập	1996	2004	1996	1995
Vốn điều lệ	828.184.650.000	11.631.495.480.000	350.000.000.000	79.181.540.000
Ngành kinh doanh chính	Sản xuất thực phẩm	Sản xuất thực phẩm	Sản xuất thực phẩm	Sản xuất thực phẩm
Doanh thu thuần	6.674.305.470.816	38.187.617.000.000	1.972.820.529.134	1.011.282.622.378
Lợi nhuận sau thuế	360.235.354	5.621.505.000.000	35.146.556.790	40.265.773.343
P/E	5,59	18,55	28,37	10,97

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2018)

#### 8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên Thế giới

Tiếp nhận công ty và nhận trách nhiệm thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh cho doanh nghiệp từ UBND tỉnh Hà Bắc, DABACO đã hình thành và phát triển thành công nhà máy sản xuất thức ăn gia súc - gia cầm, cung cấp sản phẩm trên phạm vi toàn quốc. Điều khác biệt là DABACO đã tạo dựng cho mình được chuỗi cung ứng khép kín, đón đầu nhu cầu thị trường trong tương lai.

Thực tế đã chứng minh trong giai đoạn tiếp theo thị trường chăn nuôi đã được nhà nước điều tiết và phát triển theo hướng công nghiệp hóa. Trong khi các doanh nghiệp khác đang loay hoay với bài toán thị trường, thị phần, sản phẩm thì Dabaco đã có sự chuẩn bị kỹ càng và nắm trong tay nhiều lợi thế cạnh tranh. Ví dụ, Công ty đã đầu tư một loạt các trại lợn giống và lợn thịt mới vào cuối chu kỳ khó khăn của ngành chăn nuôi 2017 để đưa vào khai thác các trại này khi ngành có sự khởi sắc từ nửa cuối năm 2018.

Với những thành quả đã gặt hái được trong hơn 20 năm gắn bó với thị trường tiêu dùng trong nước cùng hệ thống quản trị chuyên nghiệp, Dabaco có đủ cơ sở để tự tin với những bước đi mới, tiếp tục tạo dấu ấn về một thương hiệu uy tín trong lĩnh vực chăn nuôi cũng như các lĩnh vực khác tại Việt Nam.

#### 9. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty và các công ty con, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của Dabaco và các công ty con giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chuyên ngành, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt

và có mối quan hệ lâu dài với các đối tác. Tính đến thời điểm 31/03/2019, tổng số lao động trong Công ty và các Đơn vị thành viên là **4.962** người.

**Bảng 21: Tình hình lao động của Công ty**

Loại lao động	Thời điểm 31/12/2018		Thời điểm 31/3/2019	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ đại học và trên đại học	1.255	25,5%	1.288	26%
2. Trình độ cao đẳng và trung cấp	1.302	26,5%	1.320	26,6%
3. Công nhân kỹ thuật	401	8,1%	408	8,2%
4. Lao động phổ thông	1.963	39,9%	1.946	39,2%
<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.921</b>	<b>100%</b>	<b>4.962</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Dabaco*

Trong công tác chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân viên lao động, Công ty và Công đoàn có những chính sách linh hoạt để tiếp tục làm tốt chức năng đại diện cho người lao động, chủ động tham gia vào công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở bằng việc chủ động ký thỏa ước lao động tập thể hàng năm.

- *Chính sách tuyển dụng nhân sự:* Trong bối cảnh gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN và quốc tế, các doanh nghiệp trong nước không những phải đối mặt với sự cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ, sản phẩm mà còn đứng trước nguy cơ cạnh tranh nhằm tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế. Để thu hút đội ngũ nhân sự, các hoạt động tuyển dụng của DABACO được triển khai rõ ràng, minh bạch với quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội cho tất cả mọi người. DABACO luôn mong muốn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những thách thức đến từ công việc và môi trường kinh doanh của DABACO.

- *Chính sách đào tạo nhân sự:* Trong những năm gần đây, DABACO tiếp tục tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ Công ty mẹ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững. DABACO đã triển khai các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Tập đoàn. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tinh đoàn kết giữa đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống DABACO.

- *Chính sách phúc lợi cho Cán bộ công nhân viên:* Bên cạnh việc chăm lo nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, công nhân viên: trợ cấp khó khăn như hỗ trợ xây nhà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tập đoàn còn rất quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động, Tập đoàn đã cùng với tổ chức

Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động nhằm động viên cán bộ, người lao động yên tâm công tác, tích cực thi đua lao động sản xuất như: Thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên người lao động khi ốm đau, hiếu hỷ, tổ chức sinh nhật cho người lao động. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức tặng quà cho CBCNV nữ nhân dịp 8/3; Tặng quà cho các cháu là con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu, các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi, đỗ đại học...

## **10. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã xin ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

**Bảng 22: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm**

<b>Năm</b>	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>Phê duyệt của ĐHĐCĐ</b>
2015	20%	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2015
2015	5%	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/10/2015
2016	15%	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2016.



Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Phê duyệt của ĐHĐCĐ
2017	10%	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2017.
2018	10%	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2018.
2018	15%	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2019.
2019	15% (kế hoạch)	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2019.

*Nguồn: Dabaco*

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của Pháp luật. Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế:

- Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá trị thực tế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau:

**Bảng 23: Trích khấu hao tài sản cố định**

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

#### Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên

Giai đoạn năm 2018, Công ty đảm bảo mức thu nhập bình quân cho người lao động là 8,5 triệu đồng/người/tháng; 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, áp dụng đúng thời gian thử việc theo quy định.

#### **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Công ty hoàn toàn chủ động trong kế hoạch trả nợ. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

#### **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nộp các khoản phải nộp nhà nước đầy đủ. Cụ thể:

**Bảng 24: Số dư các khoản phải nộp theo luật định**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
Thuế GTGT	70	42	-	40.818	91.474	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.994	28.615	13.446	53.356	23.449	10.127
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	7.863	-	-	7.863	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.927</b>	<b>28.657</b>	<b>13.446</b>	<b>102.037</b>	<b>114.923</b>	<b>10.127</b>

*Nguồn: BCTCKT năm 2017 và 2018; BCTC Quý I năm 2019 của DABACO*

#### **Trích lập các quỹ theo quy định**

Công ty thực hiện việc trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định áp dụng cho Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.



**Bảng 25: Số dư các quỹ tại các thời điểm**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
Quỹ đầu tư phát triển	1.057.574	1.139.675	1.139.675	-	-	1.139.545
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
-Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.639	46.293	-	17.612	46.266	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.075.213</b>	<b>1.185.968</b>	<b>1.139.675</b>	<b>17.612</b>	<b>42.266</b>	<b>1.139.545</b>

*Nguồn: BCTCKT năm 2017 và 2018; BCTC Quý I năm 2019 của DABACO*

**Tổng dư nợ vay**

**Bảng 26: Số dư các khoản vay**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Đối tượng cho vay	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>2.293.804</b>	<b>2.710.566</b>	<b>2.966.038</b>	<b>2.067.497</b>	<b>2.470.935</b>	<b>2.577.344</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.103.205	2.461.239	-	1.920.484	2.224.495	2.576.994
Vay dài hạn đến hạn trả	108.591	166.393	-	68.627	166.393	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	81.256	82.534	-	77.634	79.646	-
Vay đối tượng khác	751	400	-	751	400	350
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>1.013.302</b>	<b>1.287.159</b>	<b>1.469.402</b>	<b>813.756</b>	<b>1.115.184</b>	<b>1.092.970</b>
Vay dài hạn từ quỹ Đầu tư và Phát triển UBND	186.914	148.566	-	94.000	94.000	94.000

Đối tượng cho vay	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
tỉnh Bắc Ninh						
Vay dài hạn ngân hàng	732.387	974.591	-	537.146	807.266	858.969
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.307.106</b>	<b>3.997.725</b>	<b>4.435.440</b>	<b>2.881.253</b>	<b>3.586.119</b>	<b>3.670.314</b>

Nguồn: BCTCKT năm 2017 và 2018; BCTC Quý I năm 2019 của DABACO

#### Tình hình công nợ hiện nay

- ❖ Các khoản phải thu

**Bảng 27: Số dư các khoản phải thu**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>460.996</b>	<b>223.145</b>	<b>289.430</b>	<b>2.276.402</b>	<b>2.200.485</b>	<b>2.107.096</b>
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	136.401	79.202	-	-	-	-
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	241.031	71.117	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	83.564	72.826	77.550	-	-	50.951
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>6.573</b>	<b>3.085</b>	<b>6.348</b>	<b>2.627.576</b>	<b>3.522.963</b>	<b>3.720.426</b>

Nguồn: BCTCKT năm 2017 và 2018; BCTC Quý I năm 2019 của DABACO

- ❖ Các khoản phải trả

**Bảng 28: Số dư các khoản phải trả**



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Khoản mục	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>3.462.415</b>	<b>4.075.3025</b>	<b>4.209.950</b>	<b>2.956.203</b>	<b>3.428.624</b>	<b>3.529.007</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	564.133	923.066	908.750	334.560	648.038	614.672
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	132.251	207.002	142.911	173.589	157.825	169.877
Thuế và các khoản phải nộp NN	64.929	28.615	13.446	61.219	23.449	10.127
Phải trả người lao động	61.932	51.473	45.122	31.306	15.317	12.278
Chi phí phải trả ngắn hạn	93.182	50.130	52.236	70.979	48.693	49.037
Phải trả ngắn hạn khác	234.542	58.155	57.645	199.437	18.097	13.743
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.293.804	2.710.566	2.966.038	2.067.497	2.470.935	2.635.498
Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.639	46.293	23.799	17.612	46.266	23.772
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>1.024.183</b>	<b>1.528.182</b>	<b>1.711.298</b>	<b>817.081</b>	<b>1.291.828</b>	<b>1.475.492</b>
Phải trả dài hạn khác	10.881	241.022	241.896	3.325	176.643	176.708
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.013.302	1.287.159	1.469.402	813.756	1.115.184	1.298.784
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.486.599</b>	<b>5.603.485</b>	<b>5.921.249</b>	<b>3.773.284</b>	<b>4.720.453</b>	<b>5.004.500</b>

Nguồn: BCTCKT năm 2017 và 2018; BCTC Quý I năm 2019 của DABACO

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

Nội dung	ĐVT	Hợp nhất	
		Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,961	0,925
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,373	0,262
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,642	0,671
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,793	2,040
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,562	2,361
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,838	0,799
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,42%	5,40%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,27%	13,73%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,86%	4,31%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,71%	5,80%

*Nguồn: BCTCKT Hợp nhất năm 2017 và 2018 của DABACO*

#### **Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Trong năm 2018, khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản vay nợ ngắn hạn của Công ty trong năm 2018 bổ sung vốn lưu động có xu hướng tăng so với năm 2017. Khả năng thanh toán của Công ty mẹ trong 02 năm đều <1 vì Công ty mẹ đứng ra vay và bảo lãnh cho các công ty con hoạt động. Xét trên quy mô tập đoàn, hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn lớn hơn 1.

#### **Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Tổng vốn chủ sở hữu tăng nhẹ trong năm 2018 so với năm 2017. Trong năm 2018, công ty thực hiện đầu tư thêm các dự án mới như dự án khu gia súc gia cầm Tuyên Quang, dự án nhà máy ép dầu Dabaco và một số dự án khác. Ngoài nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty thực hiện huy động vốn vay để tài trợ cho xây dựng các dự án trên dẫn đến các chỉ tiêu về hệ số nợ có



tăng lên. Một nguyên nhân khác là do các trại lợn giống Hải Phòng, Phú Thọ, Hà Nam đã đầu tư năm 2017, đi vào hoạt động đầu 2018 cũng cần huy động một lượng vốn vay nhất định để tài trợ cho vốn lưu động.

#### Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Do năm 2018 có nhiều dự án mới được đầu tư hoặc đi vào hoạt động nên một số chỉ tiêu về năng lực hoạt động như vòng quay hàng tồn kho, doanh thu trên tổng tài sản có giảm nhẹ so với năm 2017. Các chỉ số này được dự án sẽ cải thiện tốt hơn khi các dự án nêu trên đi vào hoạt động ổn định.

#### Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty

Xét trên góc độ hợp nhất, các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty được cải thiện trong năm 2018 so với năm 2017. Năm 2017, do một số yếu tố mất cân bằng cung cấp trong ngành chăn nuôi, biên lợi nhuận của Công ty có bị ảnh hưởng so với điều kiện thông thường. Tuy nhiên, tình hình thị trường chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi tốt lên đáng kể từ quý 2 năm 2018 đã giúp Công ty đạt được kết quả tích cực nêu trên.

## 12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

**Bảng 30: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên
<b>I. Hội Đồng Quản Trị</b>			
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	26/4/2015
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	26/4/2015
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	26/4/2015
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	26/4/2015
5	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	26/4/2015
6	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	26/4/2015
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	26/4/2015
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	26/4/2015
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	26/4/2015
<b>II. Ban Kiểm Soát</b>			



STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	26/4/2015
2	Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên BKS	26/4/2015
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	Thành viên BKS	26/4/2015
<b>III. Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	18/5/2015
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	18/5/2015
3	Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	18/5/2015
4	Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014
5	Nguyễn Thế Chinh	Phó Tổng Giám đốc	21/11/2016
6	Nguyễn Văn Tuất	Phó Tổng Giám đốc	02/10/2017
<b>IV. Kế toán trưởng</b>			
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	18/5/2015

**12.2. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

❖ Ông Nguyễn Như So – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	Nguyễn Như so
Số CMND:	125355697
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	23/08/1957
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 87 đường Lê Văn Thịnh, phường Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty		
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không		
Quá trình công tác			
- Từ 10/1974 đến 10/1988	Bộ đội sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam		
- Từ 11/1988 đến 03/1996	Phó Giám đốc Công ty Vật tư Hà Bắc		
- Từ 04/1996 đến 12/2004:	Giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh		
- Từ 01/2005 đến 05/2015:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam		
- Từ 05/2015 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam		
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	16.645.809 cổ phần chiếm tỷ lệ 18,27%		
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%		
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:			
<b>Tên cá nhân/ tổ chức</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>SL CP sở hữu</b>	<b>Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL</b>
Nguyễn Thị Tân Hòa	Con gái	2.779.966	3,05%
Nguyễn Thu Hiền	Con gái	2.175.108	2,39%
Nguyễn Hà Chi	Con gái	871.200	0,96%
Nguyễn Văn Chuyện	Em trai	169.303	0,19%
Nguyễn Văn Khương	Em trai	57	0,0001%
Nguyễn Thị Thủy	Em gái	48.148	0,05%
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm		
Các khoản nợ với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không		

❖ **Ông Nguyễn Khắc Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Nguyễn Khắc Thảo
Số CMND:	120708270
Nơi cấp:	Công an Bắc Giang





BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Ngày sinh:	28/01/1957
Địa chỉ thường trú:	Số 17 Phố Đội Nhân, P.Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- Từ 10/1979 đến 09/1982	Cán bộ nghiệp vụ thống kê công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục Ngạn, Bắc Giang
- Từ 10/1982 đến 10/1985	Học Đại học Thương mại Hà Nội
- Từ 11/1985 đến 12/1996	Công tác tại công ty nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008	Giám đốc Vật tư – XNK công ty CP Nông sản Bắc Ninh
- Từ 05/2008 đến 03/2011	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- Từ 03/2011 đến 05/2015	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- Từ 05/2015 đến nay	Phó CT HĐQT kiêm TGD Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	1.020.610 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,12%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế lao động của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Thu Hương
Số CMND:	125275459



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	19/07/1964
Địa chỉ thường trú:	108 Ngọc Hân Công Chúa, phường Ninh Xá, TP.Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- Từ 06/1986 đến 04/1996	Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương
- Từ 05/1996 đến 12/2004	Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài Vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
- Từ 05/2008 đến 03/2011	Thành viên HĐQT, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam
- Từ 03/2011 đến 05/2015	Thành viên HĐQT, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
- Từ 05/2015 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	1.547.832 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,7%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế lao động của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Thế Tường – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Nguyễn Thế Tường
------------	------------------



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Số CMND:	125367069
Nơi cấp:	Công an tỉnh Bắc Ninh
Ngày sinh:	04/09/1970
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 123 Lý Thường Kiệt, Khu 6, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Bác sĩ thú y, Thạc sỹ Nông nghiệp
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc công ty
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- Từ 05/1996 đến 06/1999	Phó phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc
- Từ 07/1999 đến 12/2004	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
- Từ 05/2008 đến 05/2015	TV HĐQT, GD KT-CL Tập đoàn DABACO Việt Nam
- Từ 05/2015 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	966.451 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,06%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Lê Quốc Đoàn - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên:	Lê Quốc Đoàn
Số CMND:	125485835
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	02/09/1976



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Địa chỉ thường trú:	Tổ 5, Khu Ninh Xá 3, phường Ninh Xá, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Bác sỹ thú y, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi lợn Dabaco
Quá trình công tác	
- Từ 02/2000 đến 12/2004:	Công tác tại Công ty TNHH Charoen PokPhand VN
- Từ 01/2005 đến nay:	Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi lợn Dabaco
- Từ 04/2015 đến nay:	Ủy viên HĐQT DBC
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	1.046.506 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,15%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Trần Xuân Mạnh - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên:	Trần Xuân Mạnh
Số CMND:	111327756
Nơi cấp:	Công an Hà Nội
Ngày sinh:	11/01/1977
Địa chỉ thường trú:	Xóm 1, Thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Bác sỹ thú y
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH lợn giống Hạt nhân Dabaco



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Quá trình công tác	
- Từ 03/2001 đến 04/2007:	Công tác tại Phòng kỹ thuật, Quản lý vùng tại Công ty TNHH Charoen PokPhand Việt Nam
- Từ 04/2007 đến 05/2008:	Chuyên gia kỹ thuật Văn phòng đại diện Công ty Pfizer
- Từ 05/2008 đến nay:	Giám đốc Công ty TNHH lợn giống Hạt nhân Dabaco
- Từ 04/2015 đến nay:	Ủy viên HĐQT DBC
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	444.312 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,49%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Hoàng Nguyên - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên:	Nguyễn Hoàng Nguyên
Số CMND:	125596467
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	02/09/1973
Địa chỉ thường trú:	Phố Và, phường Hạp Lĩnh, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chăn nuôi thú y, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco
Quá trình công tác	
- Từ 11/1996 đến 12/2001:	Công tác tại Xí nghiệp gà giống Lạc Vệ
- Từ 01/2002 đến 12/2004:	Giám đốc Xí nghiệp gà giống Lạc Vệ
- Từ 01/2005 đến 07/2010:	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp gà giống Lạc Vệ



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



- Từ 07/2010 đến nay:	Ủy viên HĐQT DBC kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	103.672 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Đình Toàn - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên:	Nguyễn Đình Toàn
Số CMND:	125388723
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	23/12/1970
Địa chỉ thường trú:	Số 84 Lý Chiêu Hoàng, P.Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- Từ 12/1993 đến 05/1996:	Công tác tại XN Truyền giống gia súc Hà Bắc – Thị xã Bắc Giang
- Từ 05/1996 đến 10/2001:	Nhân viên Phòng Kinh doanh thị trường TACN Dabaco – Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 11/2001 đến 05/2002:	Phó phòng Kinh doanh thị trường TACN Dabaco – Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 05/2002 đến 08/2006:	Trưởng phòng bán hàng – Nhà máy CB TACN Topfeeds
- Từ 08/2006 đến nay:	Làm việc tại Nhà máy thức ăn chăn nuôi của DBC



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



- Từ 04/2015 đến nay:	Ủy viên HĐQT DBC		
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	7.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%		
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%		
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:			
<b>Tên cá nhân/ tổ chức</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>SL CP sở hữu</b>	<b>Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL</b>
Nguyễn Đình Thế	Em trai	2.904	0,003%
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm		
Các khoản nợ với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không		

❖ **Bà Nguyễn Thanh Hương - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên:	Nguyễn Thanh Hương
Số CMND/CCCD:	001172000050
Nơi cấp:	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLDG về dân cư
Ngày sinh:	24/11/1972
Địa chỉ thường trú:	SunGrand City, 69 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Ủy viên Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- Từ 1996-1998:	Corporate Banking, Credit Lyonnais Hanoi, Vietnam
- Từ 1998-2003:	Corporate Banking, Ngân hàng Tokyo Mitsubishi VN
- Từ 2003-2004:	Head of Institutional Banking, HSBC Hanoi Branch
- Từ 8/2004 đến 2006:	Senior Vice President, Commercial Banking, HSBC Vietnam
- Từ 2006 đến 2008:	Head of Investment Banking HSBC Việt Nam, Investment Banking South East Asia (Singapore)





**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



- Từ 02/2008 đến 2/2013:	Managing Director, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- Từ 3/2013 đến 4/2015:	Managing Director, Tập đoàn HAGL, Phụ trách kinh doanh HAGL Myanmar.
- Từ 2015 đến 2018:	Công ty cổ phần đầu tư Nam Long; Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
- Từ 2018 đến nay:	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	Không có
Đại diện sở hữu:	Không có
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Các khoản nợ với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- ❖ Ông Nguyễn Khắc Thảo – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc (như trên)
- ❖ Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng (như trên)
- ❖ Ông Nguyễn Thế Tường – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (như trên)
- ❖ Ông Phạm Văn Học - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Phạm Văn Học
Số CMND:	125371216
Nơi cấp:	Công an tỉnh Bắc Ninh
Ngày sinh:	05/09/1978
Địa chỉ thường trú:	Khu Bò Sơn, Phường Võ Cường, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Bác sỹ thú y, Thạc sỹ chăn nuôi
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	<i>Phó TGD Tập đoàn DABACO Việt Nam</i>
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Quá trình công tác	
- Từ 2001 đến 2003	<i>Công tác tại Công ty CP Việt Nam – Thái Lan</i>
- Từ 2003 đến 05/2009	<i>Trung tâm khuyến nông Bắc Ninh</i>
- Từ 09/2009 đến 06/2010	<i>Phòng kế hoạch Công ty CP Nông sản Bắc Ninh</i>
- Từ 07/2010 đến 02/2011	<i>PGĐ Công ty Lợn giống Dabaco – CTCP Dabaco Việt Nam</i>
- Từ 03/2011 đến 05/2014	<i>Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco – Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam</i>
- Từ 05/2014 đến nay	<i>Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam</i>
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	7.260 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế lao động của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Thế Chinh – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Nguyễn Thế Chinh
Số CMND:	125479794
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	05/01/1962
Địa chỉ thường trú:	Số 3 Nguyễn Bá Tuấn, Khu 2 Y Na, Phường Kinh Bắc, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	<i>Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam</i>
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
- Từ 12/1985 đến 03/1986	<i>Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc</i>



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



- Từ 04/1986 đến 05/1995	Chuyên viên Sở Lao động - Thương binh và xã hội Hà Bắc
- Từ 06/1995 đến 12/1996	Chuyên viên Cục Đầu tư phát triển Hà Bắc
- Từ 01/1997 đến 12/1999	Phó phòng Kế hoạch thẩm định – Chi cục Đầu tư phát triển Bắc Ninh
- Từ 01/2000 đến 12/2001	Phó phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bắc Ninh
- Từ 01/2002 đến 06/2003	Chuyên viên Sở Xây dựng Bắc Ninh
- Từ 07/2003 đến 07/2006	Phó phòng Kỹ thuật Giám định – Sở Xây dựng Bắc Ninh
- Từ 06/2006 đến 06/2009	TP quản lý chất lượng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
- Từ 07/2009 đến 04/2016	TP quản lý hạ tầng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
- Từ 11/2016 đến nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không có	
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế lao động của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Văn Tuế - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Văn Tuế
Số CMND:	125002866
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	19/09/1956
Địa chỉ thường trú:	Khu phố Vĩnh Kiều 3, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Nông nghiệp – Chuyên ngành chăn nuôi động vật
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Phó Tổng Giám đốc công ty



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Chức vụ tại các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH Nutreco
Quá trình công tác	
- Từ 1981 đến 1993	Công tác tại Sở Nông nghiệp Hà Bắc
- Từ 1993 đến 1996	Phó giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
- Từ 1997 đến 2008	Giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
- Từ 2008 đến 2009	Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản tỉnh Bắc Ninh
- Từ 2009 đến 2010	Giám đốc nhà máy TACN cao cấp NUTRECO
- Từ 2010 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Nutreco
- Từ 10/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	7.260 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không có
Thù Slao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế lao động của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**BAN KIỂM SOÁT**

❖ Ông Nguyễn Văn Lĩnh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Văn Lĩnh
Số CMND:	125428588
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	12/07/1958
Địa chỉ thường trú:	Viêm Xá, Hòa Long, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Quá trình công tác									
- Từ 10/1981 đến 03/1983:	Cán bộ Ban quản lý nông nghiệp Trung Ương								
- Từ 04/1983 đến 03/1990:	Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc								
- Từ 04/1990 đến 06/1992:	Phó Giám đốc Xí nghiệp dâu tằm tơ Hà Bắc								
- Từ 07/1992 đến 03/1996:	Giám đốc XN ươm tơ thuộc Công ty dâu tằm tơ Hà Bắc								
- Từ 04/1996 đến 01/2005:	Phụ trách phòng quản lý dự án Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh								
- Từ 02/2005 đến 03/2007:	Trưởng phòng quản lý dự án Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh								
- Từ 03/2007 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam								
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	37.752 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04%								
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%								
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:									
<table border="1"><thead><tr><th>Tên cá nhân/ tổ chức</th><th>Quan hệ</th><th>SL CP sở hữu</th><th>Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL</th></tr></thead><tbody><tr><td>Nguyễn Thị Vân</td><td>Con gái</td><td>2.904</td><td>0,003%</td></tr></tbody></table>	Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL	Nguyễn Thị Vân	Con gái	2.904	0,003%	
Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL						
Nguyễn Thị Vân	Con gái	2.904	0,003%						
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty								
Các khoản nợ với công ty	Không								
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không								

❖ **Ông Ngô Huy Tuệ - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên:	Ngô Huy Tuệ
Số CMND:	125000849
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	20/06/1979
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 70 C5 Khu Việt Trang, Phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản trị kinh doanh



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Thành viên Ban kiểm soát		
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không		
Quá trình công tác:			
- Từ 12/2002 đến 01/2005:	Công tác tại Công ty Nông sản Bắc Ninh		
- Từ 01/2005 đến nay:	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Vật tư Nhà máy chế biến TACN Topfeeds		
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	3.049 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003%		
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%		
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:			
<b>Tên cá nhân/ tổ chức</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>SL CP sở hữu</b>	<b>Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL</b>
Nguyễn Thị Phương	Vợ	7.986	0,01%
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty		
Các khoản nợ với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không		

❖ **Bà Đinh Thị Minh Thuận – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên:	Đinh Thị Minh Thuận
Số CMND:	125599310
Nơi cấp:	Công an Bắc Ninh
Ngày sinh:	13/10/1979
Địa chỉ thường trú:	Số Nhà 22 Quang Vinh, P.Ninh Xá, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Dabaco:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh
Quá trình công tác:	
- Từ 07/2002 đến 01/2010:	Công tác tại Phòng Tài vụ - Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



- Từ 01/2010 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty TNHH dịch vụ thương mại Bắc Ninh
- Từ 04/2015 đến nay:	Thành viên Ban kiểm soát DBC
Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ:	4.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005%
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Quy chế lao động của Công ty
Các khoản nợ với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

**Kế toán trưởng: Bà Nguyễn Thị Thu Hương (như phần trên)**

### 13. Tài sản thuộc sở hữu của Công ty

**Bảng 31: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2018**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>3.837.523</b>	<b>1.035.102</b>	<b>2.802.420</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.290.182	496.333	1.793.849
Máy móc, thiết bị	1.353.394	428.570	924.823
Phương tiện vận tải	167.444	100.258	67.185
Thiết bị, dụng cụ quản lý	26.501	9.939	16.562
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>557.969</b>	<b>134.948</b>	<b>423.020</b>
Máy móc và thiết bị	542.562	122.466	420.095
Phương tiện vận tải	15.407	12.482	2.924

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của DABACO



**Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất**

Nội dung	31/12/2018	31/12/2017
Dự án nhà máy ép dầu	515.651	317.781
Nhà máy phân bón hữu cơ Việt Nhật	204.745	160.118
Dự án khu chăn nuôi gà giống Bình Phước	151.485	5.355
Dự án nhà máy thức ăn chăn nuôi Bình Phước	65.608	-
Dự án Cảng Dabaco – giai đoạn 2	54.139	11.291
Dự án trung tâm gia súc gia cầm Tuyên Quang	51.425	38.428
Dự án nhà máy Nutreco Hà Tĩnh	41.116	18.169
Dự án kho nguyên liệu Hạp Lĩnh	34.230	30.311
Dự án trung tâm thương mại Đại Phúc	13.846	11.228
Dự án nhà hàng Đền Đô	13.500	20.277
Dự án siêu thị Thuận Thành	11.838	8.838
Dự án Trung tâm thương mại Yên Phong	11.699	7.554
Các dự án khác	44.066	337.398
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.213.348</b>	<b>966.748</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 của DABACO*

**Bảng 33: Danh sách đất đai, bất động sản Dabaco đang sở hữu và hình thức sở hữu**

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
----	-----------	----------	-----------------------------	-----------	----------------------	---------------

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
1	Nhà máy chế biến TACN Topfeeds	Đường quốc lộ 38, Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	38.400	Thuê đất trả tiền hàng năm	04/10/2050	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/03/2005
2	Nhà kho, nhà xử lý nguyên liệu thuộc dây chuyền II	Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	26.693,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	14/04/2053	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 31/03/2008
3	Trụ sở làm việc Tập đoàn DABACO	Võ Cường, Bắc Ninh	5.820,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	22/03/2051	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28/08/2013
4	Xí nghiệp lợn giống, XN Ngan, XN gà gia công	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	106.780,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	29/01/2053	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/03/2005
5	Xây dựng nhà giới thiệu sản phẩm	Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	1.287,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	16/08/2052	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/09/2005
6	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	4.882	Thuê đất trả tiền hàng năm	01/09/2049	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 31/03/2008
7	Cảng bốc xếp hàng hóa	Xã Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	37.673,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	22/07/2054	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/09/2008
8	Nhà máy giết mổ gia súc gia cầm	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	33.603,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	28/07/2056	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 10/10/2008
9	Khu chăn nuôi và môi trường sinh thái Tân Chi	Xã Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	126.306,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	25/06/2058	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/04/2009

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
10	Công ty TNHH đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	4.472	Thuê đất trả tiền hàng năm	19/11/2057	Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/04/2009
11	Trung tâm nghiên cứu và phát triển giống gia súc, gia cầm DABACO	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	49.872,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	22/07/2059	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 08/05/2019
12	Cửa hàng giới thiệu thực phẩm sạch DABACO	Đường Nguyễn Cao, TP Bắc Ninh	482,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	01/11/2060	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/03/2013
13	Xí nghiệp chăn nuôi lợn siêu nạc Tân Chi	Xã Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	66.506,9	Thuê đất trả tiền hàng năm	16/06/2058	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 08/09/2011
14	Khu sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	222.323,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	16/08/2060	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/08/2011
15	Nhà máy CB TACN cao cấp Nutreco Hoàn Sơn	Xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh	89.465	Thuê đất trả tiền hàng năm	30/06/2053	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/12/2011
16	Mở rộng Công ty dịch vụ thương mại Bắc Ninh	Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	9.514	Thuê đất trả tiền hàng năm	07/12/2059	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/10/2012

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
17	Mở rộng nhà máy chế biến thịt gia súc gia cầm	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	49.786,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	19/06/2065	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/10/2015
18	Trung tâm thương mại Đền Đô, bãi đỗ xe, khu dịch vụ thương mại công cộng	Phường Đình Bảng, TX Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	21.065,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	15/04/2063	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 09/10/2015
19	Trung tâm thương mại DABACO Gia Bình	Thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, Bắc Ninh	3.020,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	29/10/2058	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/08/2016
20	XN gà hậu bị siêu trứng	Xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	22.690,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	13/10/2066	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 31/03/2017
21	Hệ thống xử lý môi trường chung cho khu chăn nuôi tập trung	Xã Lạc Vệ + Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	47.644,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	12/09/2066	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/11/2016
22	Trung tâm thương mại DABACO Quế Võ	Xã Phượng Mao, Quế Võ, Bắc Ninh	12.299,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	18/03/2066	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/09/2016

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
23	Nhà máy ép dầu	Xã Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	59.885,4	Thuê đất trả tiền hàng năm	04/11/2066	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28/03/2018
24	Nhà máy xử lý và chế biến nguyên liệu TACN	Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	44.775,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	30/01/2058	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 08/05/2019
25	Khu chăn nuôi lợn giống DABACO Lương Tài	Xã Lai Hạ, Lương Tài, Bắc Ninh	36.301,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	30/08/2067	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/01/2018
26	Nhà kho phục vụ Nhà máy chế biến TACN	Xã Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	19.208,2	Thuê đất trả tiền hàng năm	25/04/2063	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 29/05/2015
27	Khu chăn nuôi gà giống Yên Thế	Bản Rừng dài, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	40.558,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	23/04/2063	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/05/2015
28	Khu chăn nuôi tập trung gia súc, gia cầm DABACO Phú Thọ	Xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	193.947	Thuê đất trả tiền hàng năm	10/03/2064	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 21/12/2015

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức	Thời hạn sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý
29	Khu chăn nuôi tập trung lợn giống DABACO Hà Tĩnh	Xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	134.125,2	Thuê đất trả tiền hàng năm	01/03/2056	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 23/09/2016
30	Tổ hợp sản xuất giống gia súc, gia cầm Tuyên Quang	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	411.129,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	21/09/2066	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 29/09/2017
31	Khu chăn nuôi gà giống DABACO Bình Phước ứng dụng công nghệ cao	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	223.386,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	22/02/2067	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/04/2017
32	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Nutreco Hà Tĩnh	Khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	56.318,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	01/09/2060	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/10/2017
33	Nhà máy chế biến TACN Dabaco Bình Phước	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	50.677,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	13/12/2067	Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/02/2018

*Nguồn: Công ty*

#### 14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

##### 14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019- 2020

**Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019-2020**

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
----------	------	------	------

	Tỷ VND	Tỷ VND	% tăng giảm so với năm 2018	Kế hoạch (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2019
Doanh thu thuần	6.674	8.221	23,2%	9.858	19,9%
Lợi nhuận sau thuế	360	356	-1,1%	392	10,1%
Vốn chủ sở hữu	2.746	3.102	13,0%	3.480	12,2%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,4%	4,3%	-19,7%	4,0%	-0,3%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,1%	11,5%	-12,5%	11,9%	-0,3%
Cổ tức	15%	15%	0,00%	n/a	n/a

*Nguồn: DABACO*

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019 - năm 2020 trên đây được Công ty lập trên cơ sở hợp nhất kết quả kinh doanh với các công ty con. Kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kế hoạch năm 2020 do Ban Điều hành Công ty xây dựng.

#### **14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019**

Động lực tăng trưởng chính đến từ sự tăng trưởng và phát triển của ngành chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm liên quan. Theo tổ chức Euromonitor, sản lượng tiêu thụ thị lợn, thị gà và trứng bình đầu người tại Việt Nam đang ở mức tương đối thấp so với các quốc gia trung khu vực và trên thế giới. Ví dụ, sản lượng trứng tiêu thụ bình quân đầu người của Việt Nam năm 2017-2018 đạt khoảng 112 quả/năm trong khi sản lượng tiêu thụ bình quân thế giới là 173 quả/năm.

Cung cầu trong ngành chăn nuôi lợn thịt đã trở lại ổn định sau khủng hoảng mất cân đối cung cầu năm 2017. Từ giữa năm 2018, giá thị lợn đã quay trở lại mức ổn định từ 40-45 nghìn/ kg. Đây là tiền đề để công ty đặt mục tiêu phát triển trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

Cụ thể tình hình kinh doanh tại từng lĩnh vực:

- ❖ Lĩnh vực sản xuất lợn giống và lợn thịt: Năm 2017 và 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh lợn giống của Dabaco bắt đầu có sự bứt phá mạnh nhờ việc bắt đầu đưa vào khai thác một số trại giống mới. Cụ thể, cuối năm 2017 và đầu năm 2018, Công ty đã đưa vào hoạt động một trại giống ở Hà Nam với công suất 3.200 con nái thường xuyên, một trại giống ở Hải Phòng với công suất tối đa 2.000 con nái thường xuyên và một trại giống ở Phú Thọ với công suất giai đoạn một là 2.400 con nái thường xuyên. Trong năm 2019, cùng với các trại giống cũ, ba trại giống trên sẽ được khai thác tối đa công suất qua đó giúp tổng sản lượng năm 2019 dự kiến tăng khoảng 25% so với năm 2018. Cuối năm 2019, giai đoạn hai của trại giống Phú Thọ với công suất 2.400 nái thường xuyên dự kiến sẽ được đưa vào hoạt động. Đây sẽ là nhân tố giúp



- tăng trưởng quy mô đàn nái và hoạt động sản xuất con giống trong những năm tiếp theo. Với hoạt động sản xuất lợn thịt, Công ty đã đưa vào khai thác trại lợn thịt ở Tuyên Quang với công suất 10.000 tấn lợn thịt/ năm. Dự kiến, trại lợn thịt Tuyên Quang sẽ hoạt động tối đa công suất từ quý 2 năm 2019 qua đó giúp tổng sản lượng lợn thịt của Công ty tăng khoảng 32% so với năm 2018.
- ❖ Lĩnh vực sản xuất gà giống và trứng gà: Sau quá trình đầu tư mạnh vào hệ thống chuồng trại, máy móc trong những năm qua, Công ty tiếp tục nâng cao công suất sản xuất tại trại gà giống và trại sản xuất trứng trong 2019 và những năm tiếp theo. Trong năm 2018, công suất khai thác trại gà giống mới đạt khoảng 60% công suất thiết kế của trại. Công ty tiếp tục nâng cao công suất khai thác này trong năm 2019. Với hoạt động sản xuất trứng, công suất thực tế đang ở mức 85% công suất thực tế. Bên cạnh việc nâng cao công suất khai thác, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh khai thác các dòng sản phẩm giá trị gia tăng như trứng gà Omega, trứng gà vỏ xanh, trứng gà DHA, trứng gà Selenium, trứng gà ăn liền Devi. Các dòng sản phẩm giá trị gia tăng có giá bán cao hơn trứng tươi thông thường sẽ giúp tăng trưởng doanh thu.
  - ❖ Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong năm 2018, Công ty đang khai thác khoảng 50% tổng công suất các nhà máy thức ăn chăn nuôi. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục nâng cao công suất các nhà máy để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội bộ cũng như bán ra ngoài thị trường thông qua các đại lý phân phối. Sản lượng hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty phụ thuộc vào nhu cầu của hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn và chăn nuôi gà.
  - ❖ Lĩnh vực sản xuất bột và bao bì: Trong năm 2019, Công ty nâng công suất khai thác của nhà máy sản xuất bột và nhà máy sản xuất bao bì lên tối đa. Các sản phẩm bao bì chủ yếu bán tại thị trường nội địa, trong đó khoảng 30% phục vụ cho nhu cầu nội bộ. Với các sản phẩm bột, tỷ trọng tiêu thụ nội địa vẫn ở mức cao với khoảng 70%-80%.
  - ❖ Lĩnh vực thương mại: Công ty tiếp tục khai thác sáu trung tâm thương mại và siêu thị tại tỉnh Bắc Ninh. Thực phẩm, đồ gia dụng, hóa mỹ phẩm và thời trang là các nhóm hàng hóa chủ yếu được bán. Ngoài bán lẻ trực tiếp cho cá nhân và hộ gia đình, hệ thống siêu thị của Công ty cũng cung cấp hàng hóa (chủ yếu là thực phẩm) cho một số trường học, doanh nghiệp tại khu công nghiệp.
  - ❖ Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khách sạn: Trong năm 2019, Công ty dự kiến hoàn thành triển khai và bán hàng cho dự án đất nền tại xã Lạc Vệ. Theo ước tính, dự án sẽ mang về khoảng 50 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cho công ty.

### **Kế hoạch doanh thu**

- ❖ Lĩnh vực sản xuất lợn giống và lợn thịt: nhờ việc tăng trưởng sản lượng lợn giống và lợn thịt, tổng doanh thu mảng lợn giống và lợn thịt dự kiến đạt 2.500 tỷ, tăng trưởng khoảng 27% so với năm 2018;
- ❖ Lĩnh vực sản xuất gà giống và trứng gà: Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng khoảng 25% sản lượng gà giống và 5% sản lượng trứng gà trong năm 2019. Thêm vào đó, việc gia tăng tỷ trọng sản lượng trứng giá trị gia tăng và điều kiện thị trường không có quá nhiều biến động dự kiến sẽ giúp Công ty có bước tăng trưởng về doanh thu so với cùng kỳ

- ❖ Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi: Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng sản lượng khoảng 10% xuất phát từ tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng nội bộ của mảng chăn nuôi và từ thị trường bên ngoài. Trong điều kiện thị trường chăn nuôi diễn biến tốt, doanh thu của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi sẽ tăng trưởng như kế hoạch đề ra.
- ❖ Lĩnh vực sản xuất bao bì và bột: Công ty đã cân đối tỷ trọng tiêu dùng nội bộ và bán ngoài cũng như nghiên cứu các kênh bán hàng ở cả trong và ngoài nước trước khi đề ra kế hoạch nói trên.
- ❖ Kinh doanh thương mại, kinh doanh khách sạn và bất động sản: Tỉnh Bắc Ninh ngày càng phát triển với định hướng trở thành độ thị loại 1 trong tương lai. Ngoài việc thu nhập của người bản địa ngày một tăng, một lượng lớn người ở trong và ngoài nước tới Bắc Ninh làm việc tại các khu công nghiệp tiếp tục cung cấp nguồn khách hàng cho hoạt động kinh doanh thương mại, khách sạn và bất động sản.

### **Đánh giá thuận lợi và khó khăn**

- ❖ Một số thuận lợi:
  - Công ty đang hoạt động trong một môi trường kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao. Trong năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam là 7,08%. Trong năm 2019, Quốc Hội tiếp tục đề ra tốc độ tăng trưởng ở mức 6,6%-6,8%.
  - Sự hồi phục của ngành chăn nuôi từ nửa cuối năm 2018 giúp các sản phẩm chủ đạo của Công ty như lợn giống, lợn thịt, gà giống, trứng gà, thức ăn chăn nuôi được thị trường đón nhận tốt hơn;
  - Các dự án được Công ty đầu tư những năm trước bắt đầu đi vào hoạt động hoặc bắt đầu có thể khai thác ở công suất tối đa. Điều này giúp công ty nâng cao công suất, nâng cao hiệu quả kinh tế về quy mô
  - Công ty sở hữu các lợi thế về khoa học công nghệ giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, cung cấp ra thị trường các sản phẩm có giá trị gia tăng vượt trội.
  - Với kinh nghiệm hơn 20 năm trong ngành, thương hiệu Dabaco cùng các sản phẩm của mình có mức độ nhận diện thương hiệu cao trong hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng;
- ❖ Một số khó khăn:
  - Bên cạnh các đối thủ cạnh tranh nội địa, sức hấp dẫn của ngành chăn nuôi Việt Nam thu hút các Công ty lớn từ nước ngoài tham gia thị trường như CP, CJ, Japfa... Điều này khiến mức độ cạnh tranh trên thị trường trở lên cao hơn;
  - Ngành chăn nuôi tiềm ẩn rủi ro tới từ dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm đòi hỏi Công ty phải kiểm soát chặt chẽ nguồn liệu đầu ra, đầu vào và quy trình sản xuất để đạt được hiệu quả mong muốn.

### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Nam do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho LVS và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam phụ thuộc vào tình hình thị trường của các mảng hoạt động kinh doanh. So với kết quả đạt được năm 2018, kế hoạch kinh doanh năm 2019 sẽ là thách thức lớn với Ban lãnh đạo Công ty khi mục tiêu lợi nhuận sau thuế phải được duy trì sau kết quả lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể vào năm 2018. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận Công ty đưa ra chỉ có thể thực hiện được nếu các dự đoán và nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về mọi mặt, bao gồm nhưng không giới hạn trong phần thị trường, về tình hình đầu tư là sát với thực tế và không có những biến động lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

*Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam*

**16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết**

Công ty cam kết sẽ thực hiện bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy chế quản trị áp dụng cho các công ty niêm yết trong kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có



## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá chứng khoán

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết

91.099.828 cổ phiếu (*Bảng chữ: Chín mươi một triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi tám cổ phiếu*)

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

#### ➤ Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật doanh nghiệp

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”, Công ty Tập đoàn Dabaco Việt Nam đăng ký thành lập lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần ngày 23/12/2004. Tính đến thời điểm hiện tại (01/05/2019), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

#### ➤ Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định về niêm yết

Cổ phiếu Công ty chính thức niêm yết tại HNX từ ngày 18/03/2008. Tính đến 01/05/2019 thời gian niêm yết của Công ty trên 05 năm nên việc hạn chế chuyển nhượng của các thành viên chủ chốt không còn hiệu lực

### 5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được căn cứ trên các phương pháp (i) Giá trị sổ sách và (ii) giá thị trường.

Cụ thể:

#### ➤ Phương pháp giá trị sổ sách

		31/12/2018	31/03/2019
Vốn chủ sở hữu của Dabaco (triệu đồng)	(1)	2.746.528	2.766.584
Lợi ích của cổ đông thiểu số (triệu đồng)	(2)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	(3)	91.099.828	91.099.828
<b>Giá trị sổ sách của cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>(4) = [(1) – (2)] / (3)</b>	<b>30.149</b>	<b>30.369</b>



➤ **Phương pháp giá thị trường**

Phương pháp giá thị trường sẽ xác định giá niêm yết cổ phiếu DBC căn cứ theo giá thực tế giao dịch của cổ phiếu DBC trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá đóng cửa bình quân 40 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu DBC trên HNX tạm tính đến ngày 01/07/2019 là 21.825 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ Nghị quyết số 04-1/2019/NQ-HĐQT ngày 13/06/2019, giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu DBC tại ngày niêm yết đầu tiên trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được tính toán dựa trên giá trung bình đóng cửa của 40 phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/NĐ-CP/2015 ban hành ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty đại chúng được quy định như sau:

- a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.
- Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;
- c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;
- d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c nói trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Căn cứ các quy định nêu trên, tỷ lệ sở hữu mà nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm giữ tại Công ty là 49%. Tỷ lệ nước ngoài sở hữu thực tế tại Công ty tại ngày 07/06/2019 là 27,11%.

## **7. Các loại thuế có liên quan**

### **7.1. Đối với Công ty**

#### **a. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính*” thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%, không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ phần thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

#### **b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là: 10%

### **7.2. Đối với nhà đầu tư**

#### **a. Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014; và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/6/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 của Nghị định 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ phần): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

**b. Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

***Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất***

*Trong đó:*

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
  - Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.
- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

***Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.***

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**

**i. Tổ chức tư vấn**

**Công Ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội (LVS)**

Địa chỉ: Tầng 23 – Tòa nhà Capital Tower – Số 109 – Trần Hưng Đạo – Phường Cửa Nam – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3941 2299

Fax: (84.24) 3941 2708

Website: [www.lvs.com.vn](http://www.lvs.com.vn)

**ii. Tổ chức kiểm toán**

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3831 500

Fax: (84-24) 3831 5090

Website: [www.ey.com.vn](http://www.ey.com.vn)



**VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**

<b>TT</b>	<b>Tài liệu</b>
<b>I.</b>	<b>Các quy định chung</b>
1	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
<b>II.</b>	<b>Các văn bản liên quan đến ngành</b>
1	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 11/12/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư
2	Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản
<b>III.</b>	<b>Các văn bản thuế</b>
1	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
2	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
3	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
<b>IV.</b>	<b>Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán</b>
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



---

3	Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
4	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

**VIII. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, năm 2018 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2019



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**



Bắc Ninh, ngày 01 tháng 07 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN NHƯ SO**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN KHẮC THẢO**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**NGUYỄN VĂN LĨNH**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**



**GIÁM ĐỐC**

*Trần Thị Thu Hương*